

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 - 2008

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Vân Anh

Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN DAP - VINACHEM

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Vân Anh

Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Vân Anh

Mã số: 1112401064

Lớp: QT1505K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ
phần DAP - VINACHEM

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đồ án tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Cán bộ hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: ThS. Nguyễn Văn Thụ.....

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.....

Cơ quan công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐATN

Đã giao nhiệm vụ ĐATN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨ Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Trần Thị Vân Anh* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần DAP - Vinachem. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Tháng 12 năm 2014). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần DAP - Vinachem. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 04 tháng 07 năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU*Error! Bookmark not defined.*

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**..... *Error!
Bookmark not defined.*

**1.1.Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh
nghiệp sản xuất**.....*Error! Bookmark not defined.*

*1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh
nghiệp*.....*Error! Bookmark not defined.*

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu.....*Error! Bookmark not defined.*

1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu*Error! Bookmark not defined.*

1.1.4.Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu*Error! Bookmark not defined.*

1.1.4.1. Phân loại.....*Error! Bookmark not defined.*

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.....*Error! Bookmark not defined.*

**1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản
xuất**.....*Error! Bookmark not defined.*

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu*Error! Bookmark not defined.*

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song.....*Error! Bookmark not defined.*

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....*Error! Bookmark not defined.*

1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư*Error! Bookmark not defined.*

1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất..... *Error!
Bookmark not defined.*

*1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường
xuyên**Error! Bookmark not defined.*

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ
Error! Bookmark not defined.

*1.2.3.Kế toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho. ..Error! Bookmark not
defined.*

**1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán
nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**.....*Error! Bookmark not defined.*

- 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....*Error! Bookmark not defined.*
- 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái*Error! Bookmark not defined.*
- 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....*Error! Bookmark not defined.*
- 1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....*Error! Bookmark not defined.*
- CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DAP***Error! Bookmark not defined.*
- 2.1. Khái quát chung về Công ty CP DAP**.....*Error! Bookmark not defined.*
- 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....*Error! Bookmark not defined.*
- 2.1.2. Sản xuất và quy trình sản xuất.....*Error! Bookmark not defined.*
- 2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ Phần DAP-VINACHEM.... *Error! Bookmark not defined.*
- 2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP DAP*Error! Bookmark not defined.*
- 2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán*Error! Bookmark not defined.*
- 2.1.4.2. Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng tại công ty..*Error! Bookmark not defined.*
- 2.1.4.3. Tổ chức sổ sách kế toán và hình thức kế toán*Error! Bookmark not defined.*
- 2.1.4.4. Tổ chức chứng từ và tài khoản kế toán.....*Error! Bookmark not defined.*
- 2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP DAP-VINACHEM**.....*Error! Bookmark not defined.*
- 2.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu*Error! Bookmark not defined.*
- 2.2.1.1. Thủ tục nhập xuất nguyên vật liệu.....43
- 2.2.1.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty..... *Error! Bookmark not defined.*
- 2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty CP DAP-VINACHEM *Error! Bookmark not defined.*
- 2.2.3. Công tác kiểm kê kho tại Công ty CP DAPVINACHEM..*Error! Bookmark not defined.*

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP DAP – VINACHEM

Error! Bookmark not defined.

3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty và phương hướng hoàn thiện.....*Error! Bookmark not defined.*

3.1.1. Ưu điểm.....Error! Bookmark not defined.

3.1.2. Hạn chế, tồn tại.....Error! Bookmark not defined.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu với công việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty CP DAP-VINACHEM

Error! Bookmark not defined.

3.2.1. Định hướng phát triển tại công ty CP DAP-VINACHEM Error! Bookmark not defined.

3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu với công việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty CP DAP-VINACHEM... Error!

Bookmark not defined.

3.2.2.1. Phân tách và theo dõi danh điểm NVLError! Bookmark not defined.

3.2.2.2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.Error! Bookmark not defined.

3.2.2.3. Xây dựng hệ thống kho tàng bến bãiError! Bookmark not defined.

3.2.2.4. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ Error! Bookmark not defined.

3.2.2.5. Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán tại công ty Error!

Bookmark not defined.

KẾT LUẬN.....*Error! Bookmark not defined.*

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1:</i> Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.....	26
<i>Sơ đồ 1.2:</i> Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	27
<i>Biểu số 1.3:</i> Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	28
<i>Sơ đồ 1.4:</i> Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	30
<i>Sơ đồ 1.6:</i> Sơ đồ hạch toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	33
<i>Sơ đồ 1:</i>	36
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN	36
NHẬT KÝ CHUNG.....	36
<i>Sơ đồ 2:</i>	37
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN	37
NHẬT KÝ-SỔ CÁI.....	37
<i>Biểu số 3:</i>	38
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN	38
CHỨNG TỪ GHI SỔ	38
<i>Biểu số 4:</i>	39
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN	39
NHẬT KÝ-CHỨNG TỪ.....	39
<i>Sơ đồ 2.1:</i> Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm	43
<i>Sơ đồ 2.3:</i> Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty.....	48
<i>Sơ đồ 2.4:</i> Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung tại công ty CP DAP-VINACHEM.....	51

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song 69

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ sau: 79

DANH MỤC SƠ ĐỒ

LỜI NÓI ĐẦU

Doanh nghiệp sản xuất là đơn vị trực tiếp tiến hành các hoạt động tạo ra sản phẩm. Một doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, có tính cạnh tranh cao phải sản xuất ra được những sản phẩm có chất lượng cao và giá cả hợp lý. Như vậy doanh nghiệp phải khai thác tốt các nguồn lực tài chính, phải quản lý và sử dụng có hiệu quả những nguồn nguyên liệu. Bởi nguyên vật liệu là một trong những nhân tố chính để tạo ra sản phẩm. Một sản phẩm tốt phải làm ra từ nguyên vật liệu có chất lượng tuân theo đúng một quy trình và quy cách tạo ra sản phẩm. Ngược lại nguyên vật liệu không được bảo quản ở điều kiện quy định đem vào sản xuất sẽ tạo ra sản phẩm kém chất lượng. Nếu sản phẩm tốt giá thành thấp thì doanh nghiệp sẽ tiêu thụ được sản phẩm và ngược lại. Nếu lãng phí nguyên vật liệu sẽ làm cho giá thành sản phẩm tăng, thiếu nguyên vật liệu sẽ làm cho quá trình sản xuất ngưng lại. Doanh nghiệp có thể không hoàn thành được hợp đồng đã ký với đối tác dẫn đến làm ăn thua lỗ. Để khắc phục tất cả những ảnh hưởng của nguyên vật liệu đối với chất lượng sản phẩm và quá trình sản xuất kinh doanh, cần phải tổ chức tốt công tác kế toán nguyên vật liệu. Vì kế toán nguyên vật liệu nhằm cung cấp thông tin một cách có khoa học cho công tác quản lý nguyên vật liệu cả về mặt giá trị và hiện vật ở tất cả các khâu mua sắm, dự trữ, bảo quản và sử dụng.

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, các doanh nghiệp với tư cách là chủ thể kinh tế, được tự chủ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì thế, doanh nghiệp phải tự quyết định sản xuất cái gì? Sản xuất như thế nào? Sản xuất cho ai? Từ đó đòi hỏi doanh nghiệp cần phải đưa ra thị trường những sản phẩm có tính cạnh tranh cao về giá cả, chất lượng và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Một câu hỏi lớn nhất bao trùm đối với các doanh nghiệp là: Làm thế nào để doanh nghiệp luôn luôn tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường? Không một doanh nghiệp nào có thể phủ nhận rằng “để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường mang đầy tính cạnh tranh không còn con đường

nào khác là phải nâng cao khả năng cạnh tranh qua việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh”.

Với những kiến thức đã được trang bị trong suốt quá trình học tập, em đã chọn Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM để thực tập và tìm hiểu về phân hành kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP DAP – VINACHEM” làm khóa luận tốt nghiệp cho mình, cùng với sự hướng dẫn tận tình của Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty đã giúp em có thêm nhiều kiến thức để hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này. Nhưng do kiến thức còn nhiều hạn chế, em rất mong nhận được sự đóng góp và giúp đỡ của cô giáo để em có thể hoàn thành tốt nhất bài báo cáo của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP DAP-VINACHEM

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thành công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP DAP-VINACHEM

Do thời gian và trình độ có hạn nên đề tài không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là một đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hóa. Nguyên vật liệu chiếm một vị trí hết sức quan trọng bởi nó không chỉ là đối tượng lao động mà còn là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản xuất. Nguyên vật liệu là vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mỗi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nó chiếm phần lớn chi phí đầu vào, ảnh hưởng đến lợi nhuận, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy nguyên vật liệu phải được quan tâm đúng mức và sử dụng có hiệu quả.

Nguyên vật liệu được mua từ nhiều nguồn khác nhau, mỗi loại nguyên vật liệu lại có những vai trò, công dụng khác nhau đối với từng sản phẩm, nên việc hạch toán nguyên vật liệu là vấn đề cần được ưu tiên trong doanh nghiệp.

Hạch toán nguyên vật liệu từ chi tiết đến tổng hợp, từ khâu thu mua, bảo quản đến khâu tiêu thụ là rất cần thiết. Nếu thực hiện tốt hạch toán này sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp đứng vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu

➤ Khái niệm

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là phải có đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là một đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hóa như sắt, thép... trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, bông trong doanh nghiệp dệt... dưới sự tác động của con người. Trong các DN, NVL được sử dụng phục vụ cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ hay sử dụng cho bán hàng, cho quản lý DN.

➤ Đặc điểm của nguyên vật liệu

Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, NVL mang những đặc điểm rất riêng so với những yếu tố đầu vào khác như:

- *Về mặt hiện vật:* Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ.

- *Về mặt giá trị:* Giá trị của nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới được tạo ra.

1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu

Từ đặc điểm cơ bản của nguyên vật liệu, ta có thể thấy nguyên vật liệu được xếp vào tài sản lưu động, giá trị nguyên vật liệu thuộc vốn lưu động. Nguyên vật liệu có nhiều loại, thứ khác nhau, bảo quản phức tạp. Nguyên vật liệu thường được nhập xuất hàng ngày.

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến sản phẩm được sản xuất. Thông thường trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ trọng rất lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, nên việc tiết kiệm nguyên vật liệu và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kết quả sản xuất kinh doanh.

Xuất phát từ vai trò quan trọng của nguyên vật liệu đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng. Trong một chừng mực nào đó, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu là cơ sở để tăng thêm sản phẩm mới cho xã hội, tiết kiệm được nguồn tài nguyên vốn không phải vô tận.

1.1.4. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu

1.1.4.1. Phân loại

❖ Căn cứ vào vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất, nguyên vật liệu được chia làm những loại sau:

- *Nguyên vật liệu chính:* Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm.

- *Vật liệu phụ* Là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để làm thay đổi màu sắc, hình dáng, mùi vị hoặc dùng để bảo quản, phục vụ hoạt động của người lao động .

- *Nhiên liệu:* Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh, phục vụ cho công nghệ sản xuất, phương tiện vận tải, công tác quản lý. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn hay thể khí như than, củi, xăng, dầu, hơi đốt, khí đốt,...

- *Phụ tùng thay thế:* Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ.

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: Là những vật tư được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp và thiết bị không cần lắp, công cụ khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt cho công trình xây dựng cơ bản.

- *Vật liệu khác*: Là các loại vật liệu không được xếp vào các loại trên. Các loại vật liệu này do quá trình sản xuất loại ra như các loại phế liệu, nguyên vật liệu thu hồi do thanh lý tài sản cố định.

❖ Căn cứ vào nguồn gốc nguyên vật liệu được chia thành

- Nguyên vật liệu mua ngoài
- Nguyên vật liệu tự chế biến, gia công
- Nguyên vật liệu từ các nguồn khác: biếu tặng, liên doanh, cấp phát...

❖ Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng nguyên vật liệu được chia thành

- Nguyên liệu, vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất kinh doanh
- Nguyên liệu, vật liệu dùng cho công tác quản lý
- Nguyên liệu, vật liệu dùng cho các mục đích khác

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của nguyên vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

Theo chuẩn mực kế toán 02-Hàng tồn kho thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- *Nguyên tắc giá gốc*: Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- *Nguyên tắc thận trọng*: Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, từng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- *Nguyên tắc nhất quán*: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- + Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

Vật liệu trong các doanh nghiệp có thể được đánh giá theo trị giá gốc (hay còn gọi là giá vốn thực tế) và giá hạch toán.

a) Tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế

➤ **Đánh giá giá trị của NVL nhập kho**

❖ **Đối với nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài:**

Giá thực tế NVL mua ngoài nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Các loại thuế không hoàn lại	+	Chi phí liên quan trực tiếp	-	Các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có)
---	----------	---	----------	---	----------	--	----------	--

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn:
- + Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT.
- + Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi, dự án thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào được phản ánh theo tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ (nếu có).
- + Đối với nguyên liệu, vật liệu mua bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- Các loại thuế không hoàn lại như: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt...

- Chi phí liên quan trực tiếp gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...
- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

❖ Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

Giá thực tế của nguyên liệu xuất chế biến và chi phí chế biến.

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá NVL xuất gia công chế biến} + \text{Chi phí gia công chế biến}$$

Chi phí chế biến nguyên vật liệu bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như: Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định. Chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chế biến nguyên vật liệu.

❖ Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

Giá thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến, chi phí vận chuyển vật liệu đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về đơn vị, tiền thuê ngoài gia công chế biến.

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá thực tế NVL xuất thuê ngoài gia công chế biến} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ} + \text{Chi phí thuê ngoài gia công chế biến}$$

❖ Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh, cổ phần:

Là giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp nhận cộng với các khoản chi phí có liên quan.

❖ Đối với nguyên vật liệu do được biếu tặng, tài trợ, viện trợ

$$\text{Giá gốc NVL nhận biếu tặng nhập kho} = \text{Giá trị hợp lý ban đầu của những NVL tương đương} + \text{Chi phí khác có liên quan đến việc tiếp nhận}$$

❖ Đối với nguyên vật liệu được cấp

$$\text{Giá thực tế của NVL được cấp} = \text{Giá theo biên bản giao nhận} + \text{Chi phí vận chuyển bốc xếp bảo quản (nếu có)}$$

➤ Đối với nguyên vật liệu xuất kho

Theo chuẩn mực kế toán số 02 – hàng tồn kho, tính trị giá vật liệu xuất kho được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Phương pháp tính theo giá đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước

❖ **Phương pháp tính theo giá đích danh:**

Theo phương pháp này khi xuất kho vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho.

- + Ưu điểm: Đây là phương án tốt nhất, xác định chính xác giá của giá vật liệu xuất.
- + Nhược điểm: Với những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi, công việc kế toán chi tiết vật liệu rất phức tạp.
- + Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm NVL nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá thực tế của NVL tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị NVL. Căn cứ vào lượng NVL xuất trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá thực tế xuất trong kỳ.

Giá đơn vị bình quân của 1 đơn vị NVL được xác định bằng nhiều cách:

- *Phương pháp bình quân gia cả kỳ dự trữ:*

Theo phương pháp này đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của NVL xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán NVL tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, số lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá của NVL xuất kho.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

- + Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư.
- + Nhược điểm: Độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.
- + Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu và số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

- *Phương pháp bình quân cuối kỳ trước:*

Theo phương pháp này, kế toán xác định giá đơn vị bình quân dựa trên giá thực tế và lượng NVL tồn kho cuối kỳ trước. Dựa vào giá đơn vị bình quân nói trên và lượng NVL xuất kho trong kỳ để kế toán xác định giá thực tế NVL xuất kho theo từng danh điểm.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn kho cuối kỳ trước}}{\text{Số lượng NVL tồn kho cuối kỳ trước}}$$

+ Ưu điểm: Khả đơn giản và phản ánh kịp thời tình hình biến động NVL trong kỳ.

+ Nhược điểm: Không chính xác vì không tính đến sự biến động của giá cả NVL kỳ này.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL, số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

- *Phương pháp bình quân liên hoàn(bình quân sau mỗi lần nhập):*

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập, kế toán phải xác định giá bình quân của từng danh điểm NVL. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng NVL xuất kho giữa 2 lần nhập kế tiếp để kế toán xác định giá thực tế NVL xuất kho.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá NVL nhập kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng NVL nhập kho sau lần nhập thứ } i}$$

+ Ưu điểm: Khắc phục được nhược điểm của 2 phương pháp trên nên đưa ra giá NVL xuất kho chính xác, phản ánh được sự biến động giá cả, công việc tính giá được tiến hành đều đặn.

+ Nhược điểm: Tốn nhiều công sức tính toán.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này chỉ sử dụng được ở những doanh nghiệp có ít danh điểm NVL và số lần nhập mỗi loại là không nhiều.

❖ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Theo phương pháp này, NVL được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giá định là lô NVL nhập vào kho trước sẽ được xuất dùng trước, vì vậy lượng NVL xuất kho thuộc lần nhập nào thì tính giá thực tế của lần nhập đó.

+ Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời.

+ Nhược điểm: Tính giá theo từng danh điểm NVL và phải hạch toán chi tiết NVL tồn kho theo từng loại giá nên tốn nhiều công sức. Ngoài ra, phương pháp này làm cho giá nguyên vật liệu của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm NVL, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Và thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Theo phương pháp này, NVL được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định là lô NVL nào nhập vào kho sau sẽ được xuất dùng trước, vì vậy việc tính giá xuất của NVL được làm ngược lại với phương pháp nhập trước – xuất trước.

+ Ưu điểm: Giúp cho giá nguyên vật liệu của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

+ Nhược điểm: Làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp thích hợp trong trường hợp lạm phát.

b) Tính giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại vật liệu, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập – xuất vật liệu diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp, tốn nhiều công sức và nhiều khi không thực hiện được. Do đó, việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Giá hạch toán là loại giá ổn định, doanh nghiệp có thể sử dụng trong thời gian dài để hạch toán nhập, xuất, tồn kho vật liệu trong khi chưa tính được giá thực tế của nó.

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại NVL và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao.

$$\begin{array}{l}
 \text{Hệ số giá} \\
 \text{vật liệu} \\
 \text{(H)}
 \end{array}
 = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu} \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật liệu} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật liệu} \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu} \\ \text{xuất dùng (hoặc tồn} \\ \text{kho cuối kỳ)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật liệu xuất} \\ \text{dùng (hoặc tồn kho cuối kỳ)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số giá} \\ \text{vật liệu} \end{array}$$

1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu đòi hỏi phản ánh cả về giá trị, số lượng, chất lượng của từng thứ nguyên vật liệu theo từng kho và từng người phụ trách vật chất. Trong thực tế hiện nay có 3 phương pháp:

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

Phương pháp thẻ song song là phương pháp mà tại kho và tại bộ phận kế toán đều sử dụng thẻ để ghi sổ nguyên vật liệu.

- Tại kho: Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho và số thực tế có trong kho.

- Tại phòng kế toán: Kế toán NVL cũng dựa trên chứng từ nhập, xuất NVL để ghi số lượng và tính thành tiền NVL nhập, xuất kho vào “Sổ chi tiết vật liệu” (mở tương ứng với thẻ kho).

⇒ Cuối tháng, từ “Sổ chi tiết vật liệu”, kế toán lấy số liệu để ghi vào “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu” theo từng danh điểm, từng loại NVL và tiến hành:

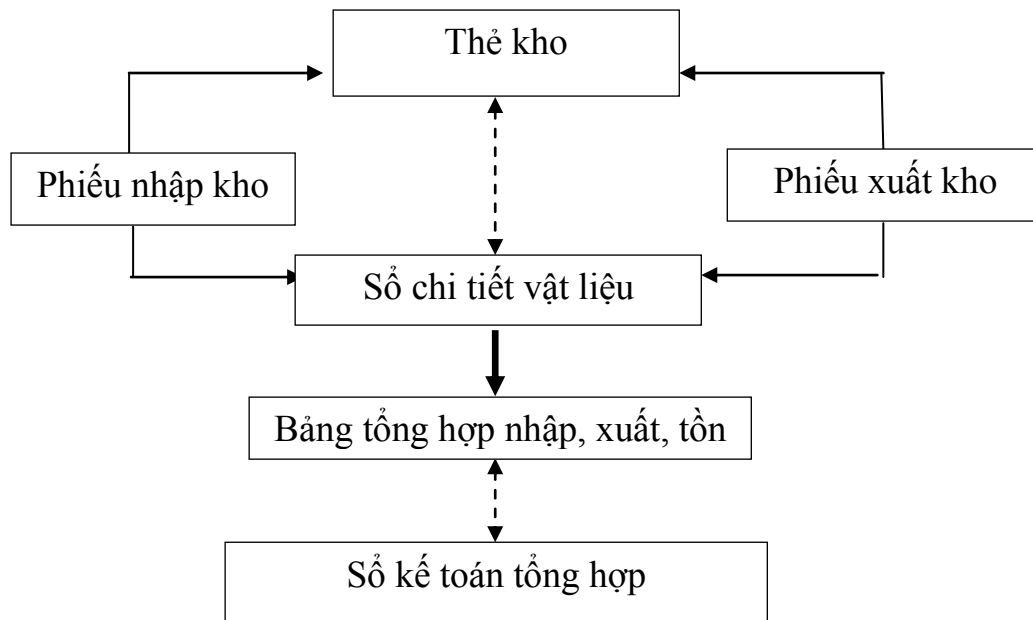
+ Đối chiếu số liệu trên “Sổ chi tiết vật liệu” với “Thẻ kho” của thủ kho.

+ Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu” với số liệu “Sổ kế toán tổng hợp”.

- Điều kiện áp dụng: cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, khối lượng nhập, xuất không nhiều và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán không cao.

- Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, kiểm tra, đảm bảo độ tin cậy cao, có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị.

- Nhược điểm: Khối lượng công việc ghi chép lớn, ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.1:Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất, tồn giống như phương pháp thẻ song song.

- Tại phòng kế toán: Kế toán chỉ mở sổ “Sổ đối chiếu luân chuyển NVL” theo từng kho. Hàng ngày, trên cơ sở phân loại chứng từ nhập, xuất theo từng danh điểm NVL và theo từng kho, kế toán lập “Bảng kê nhập vật liệu”, “Bảng kê xuất vật liệu”.

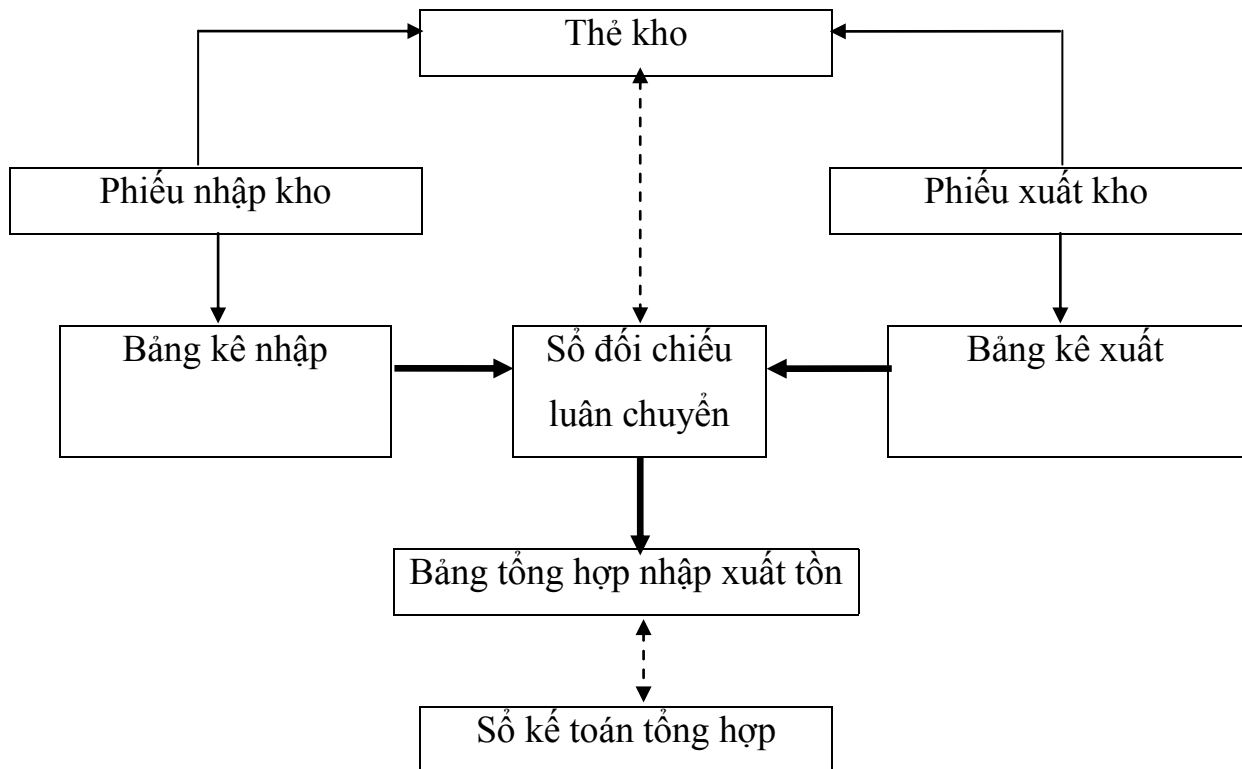
=> Và cuối tháng, dựa vào các bảng kê này để ghi vào “Sổ đối chiếu luân chuyển NVL”. Đồng thời từ “Sổ đối chiếu luân chuyển NVL” lập “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu”

+ Khi nhận được thẻ kho, kế toán tiến hành đối chiếu tổng lượng nhập, xuất của từng thẻ kho với “Sổ luân chuyển NVL”.

+ Đối chiếu số liệu “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu” với số liệu “Sổ kế toán tổng hợp vật liệu”.

- Điều kiện áp dụng: Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép xuất nhập hàng ngày. Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

- Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.
- Nhược điểm: Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.



Ghi chú:

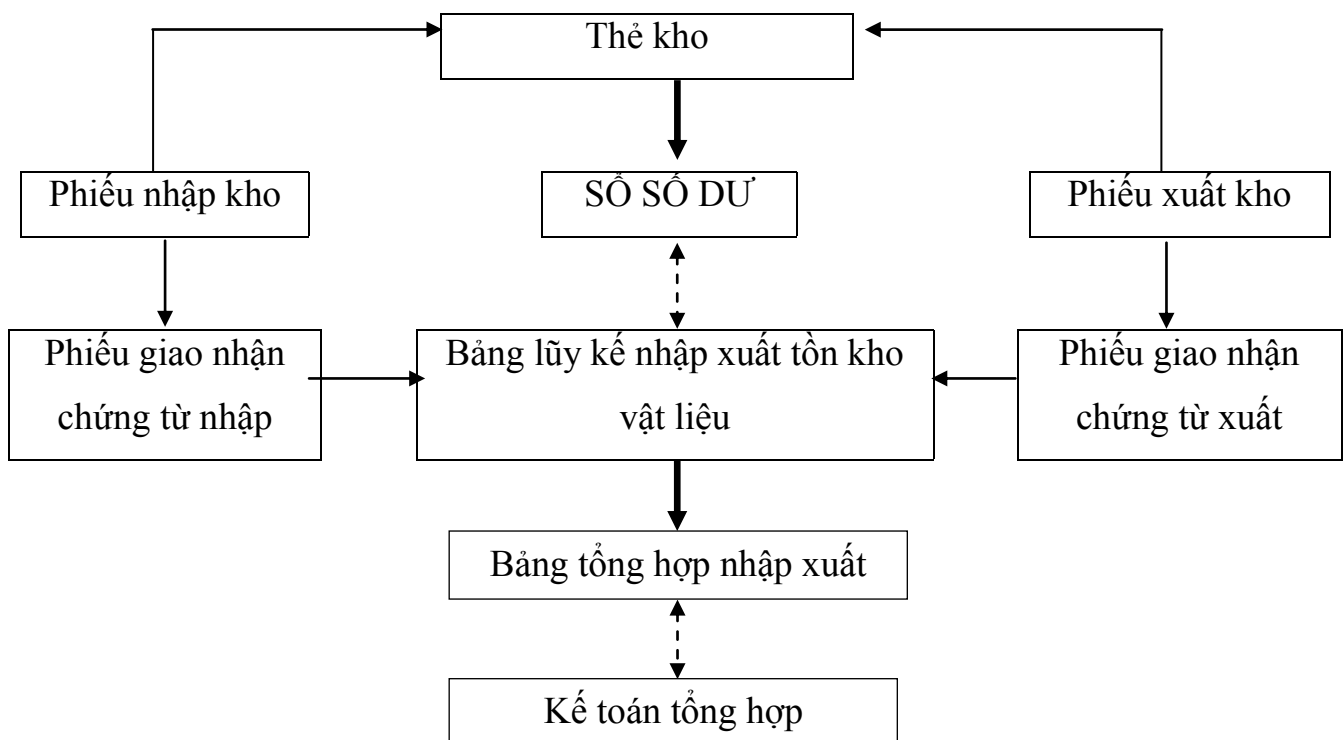
- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư

- Tại kho: Theo định kỳ sau khi ghi Thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng NVL. Sau đó, lập Phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất NVL. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng NVL tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm NVL vào Sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho NVL và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng, kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong, thủ kho phải gửi Sổ số dư về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- Tại phòng kế toán: Không cần mở thẻ chi tiết cho từng loại, từng thứ vật liệu mà chỉ mở “Bảng kê lũy kế nhập xuất tồn kho” phản ánh trị giá hạch toán của hàng nhập, xuất, tồn kho theo nhóm vật liệu ở từng kho. Cuối tháng, căn cứ “Bảng kê lũy kế nhập xuất tồn” lập “Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn” theo chỉ tiêu giá trị, chi tiết từng nhóm với số liệu hạch toán nghiệp vụ ở kho hàng.
- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán vật liệu nhập-xuất-tồn kho.
- Ưu điểm: Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.
- Nhược điểm: Việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót gặp nhiều khó khăn đòi hỏi yêu cầu trình độ quản lý của thủ kho và kế toán phải khá nếu không sẽ dẫn đến sai sót.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư

Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu: Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế. Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ vật liệu tùy theo yêu cầu và phương tiện thanh toán.

⇒ *Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 152:*

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.

Số dư bên Nợ:

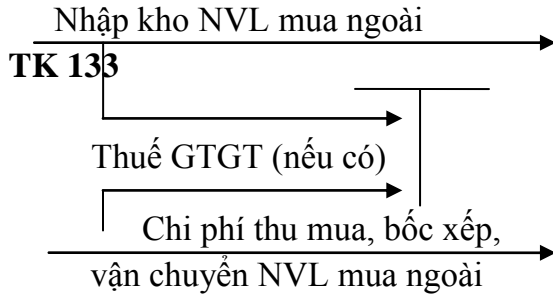
- Phản ánh trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho (đầu kỳ hoặc cuối kỳ).

Phương pháp hạch toán: Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ sau:

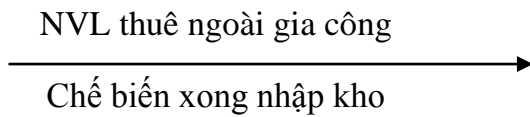
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

TK 152

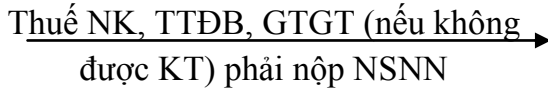
TK 111,112, 151,331



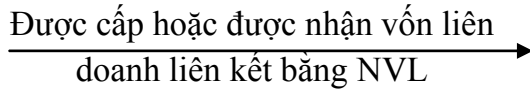
TK 154



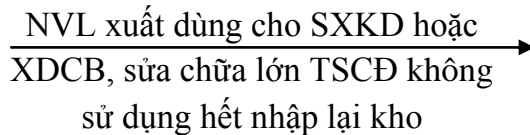
TK 333(3333, 3332)



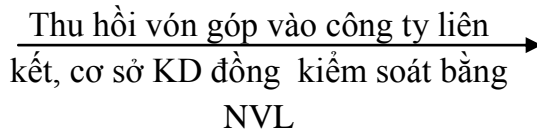
TK 411



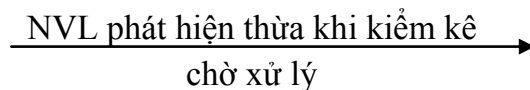
TK 621, 627, 641, 642, 241,...



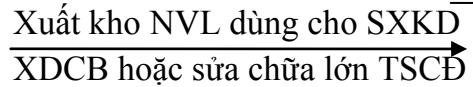
TK 222, 223



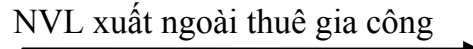
TK 338 (3381)



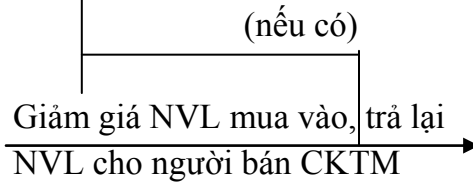
TK 621, 627, 641, 642



TK 154



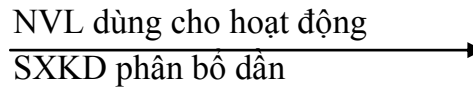
TK 133 TK 111, 112, 331



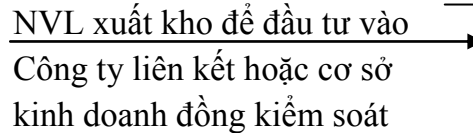
TK 632



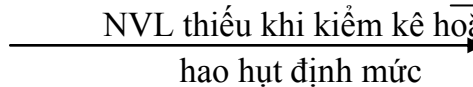
TK 142, 242



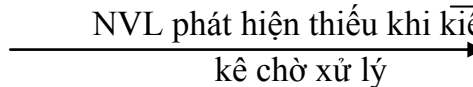
TK 222, 223



TK 632



TK 138 (1381)



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của các loại vật liệu trên các tài khoản phản ánh từng loại NVL tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của NVL trên sổ kế toán tổng hợp. Độ chính xác của phương pháp này không cao mặc dù thích hợp với các đơn vị kinh doanh những chủng loại NVL khác nhau, giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán. Theo phương pháp này kế toán sử dụng các tài khoản sử dụng sau:

Tài khoản kế toán sử dụng

Trường hợp doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán tổng hợp NVL, kế toán sử dụng TK 611 “Mua hàng”. TK này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật tư, hàng hóa mua vào, xuất trong kỳ.

Tài khoản 611-Mua hàng không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 sau :

- TK 611(1) : mua nguyên liệu, vật liệu.
 - TK 611(2) : mua hàng hóa.
- ⇒ *Kết cấu tài khoản 611(1) như sau :*

Bên Nợ:

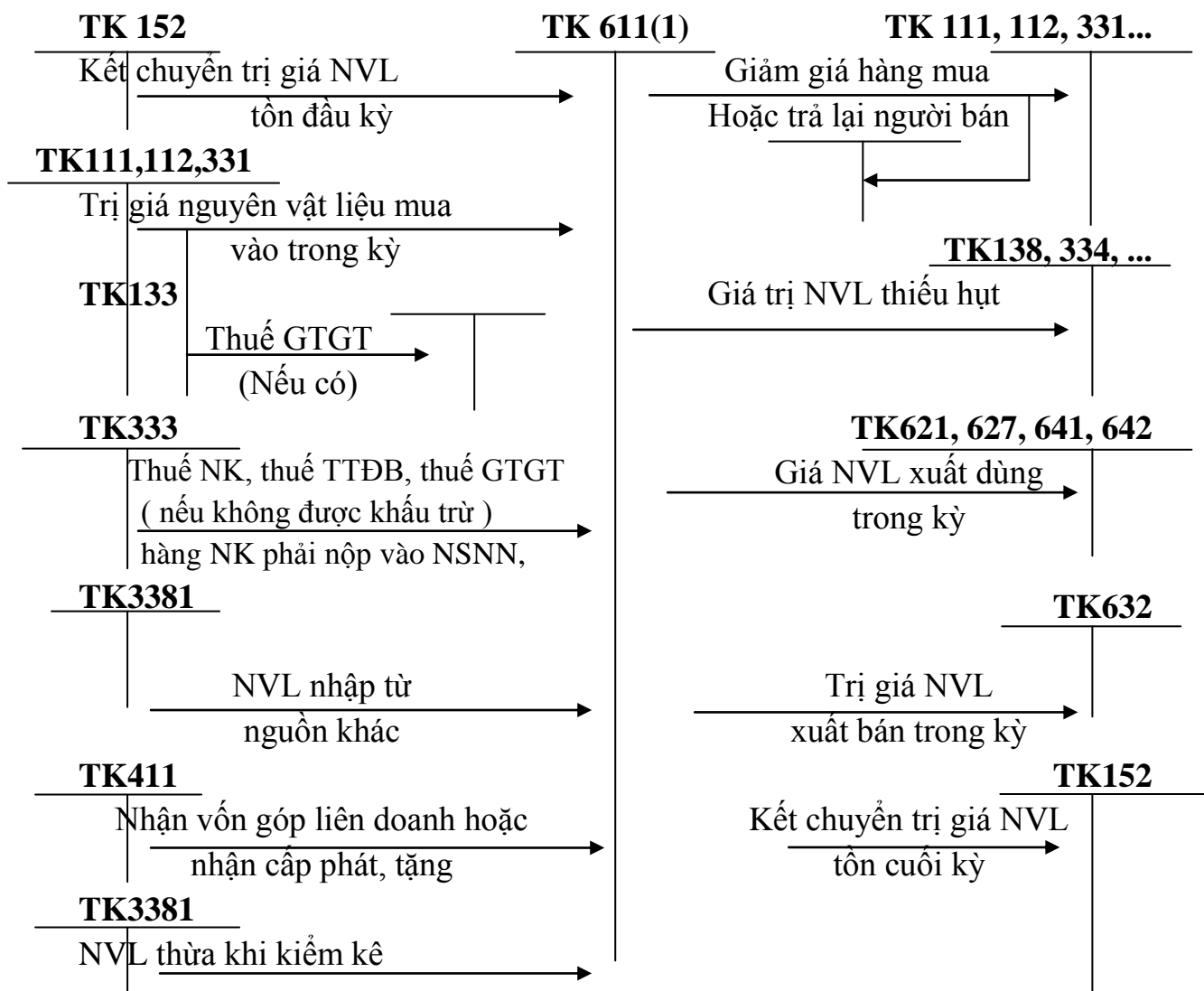
- Kết chuyển giá nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.
- Giá nguyên vật liệu mua vào trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.
- Giá nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.
- Giá nguyên vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

Phương pháp hạch toán

Theo phương pháp này sự biến động của nguyên vật liệu được tổng hợp qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho.

Nguyên tắc hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ

cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu thập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc, nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.

$$\text{Mức giảm giá của hàng tồn kho} = \text{Giá gốc của hàng tồn kho} - \text{Giá trị thực hiện thuần túy của hàng tồn kho}$$

Dự phòng giảm giá được lập cho các NVL chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư, hàng hóa này là mặt hàng kinh doanh, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho :

$$\text{Mức dự phòng cần lập năm tới cho hàng tồn kho} = \text{Số lượng hàng tồn kho cuối niên độ} \times \text{Mức giảm giá của hàng tồn kho}$$

Để phản ánh tình hình trích lập dự phòng và xử lý khoản tiền đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

Tài khoản 159 dùng để phản ánh toàn bộ giá trị dự tính bị giảm sút so với giá gốc của hàng tồn kho nhằm ghi nợ các tài khoản lỗ có thể phát sinh nhưng chưa chắc chắn, tài khoản 159 mở cho từng loại hàng tồn kho.

Kết cấu tài khoản 159 :

Bên Nợ:

- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có:

- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Phương pháp kế toán vào tài khoản như sau:

- Cuối niên độ kế toán năm, kế toán lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lần đầu. Kế toán ghi:

Nợ TK 633 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Cuối niên độ kế toán, kho một loại vật liệu tồn kho có giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì kế toán phải lập dự phòng theo số tiền chênh lệch đó.

+ Nếu số tiền dự phòng giảm giá vật liệu phải lập ở cuối niên độ này lớn hơn số tiền dự phòng giảm giá vật liệu đã lập ở cuối niên độ kế toán trước, kế toán lập dự phòng bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nếu số tiền dự phòng giảm giá vật liệu phải lập ở cuối niên độ này nhỏ hơn số tiền dự phòng giảm giá vật liệu đã lập ở cuối niên độ kế toán trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch đó, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

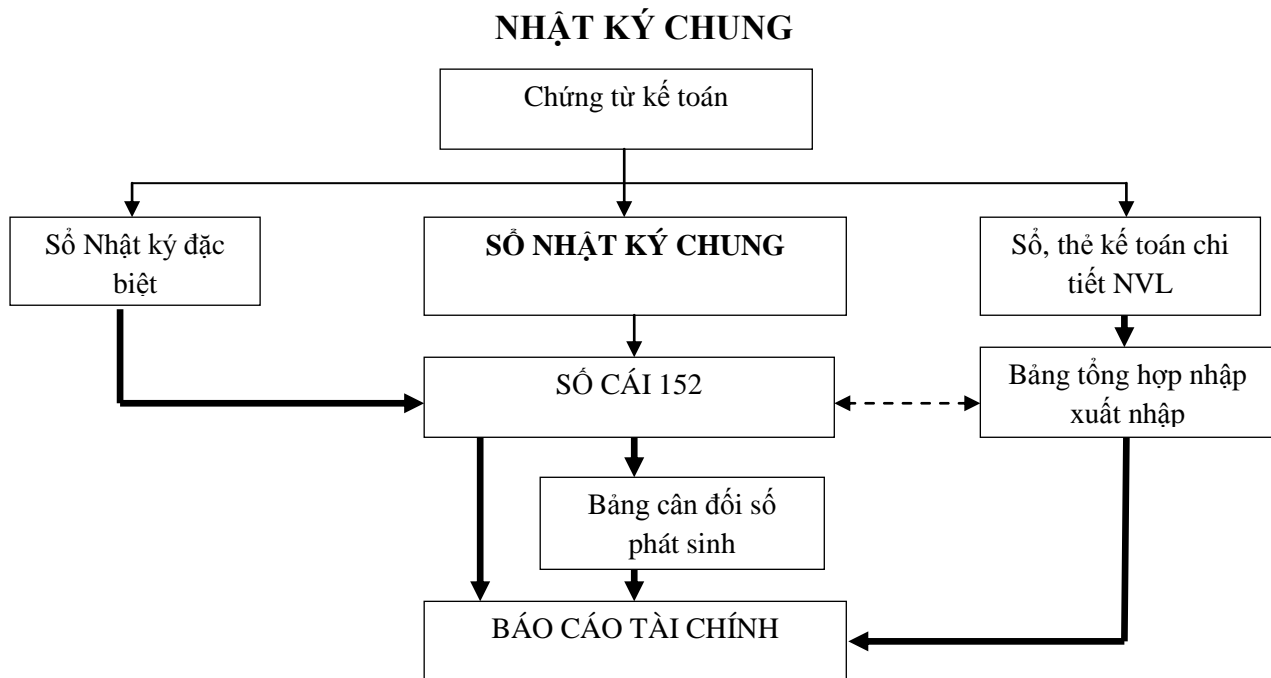
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (NKC) tức là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được ghi nhận vào sổ nhật ký chung dựa

trên các chứng từ kế toán: hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi, giấy. Dựa vào những dữ liệu đã ghi trên sổ NKC kế toán vào sổ cái cho từng đối tượng kế toán theo trình tự thời gian.

Sơ đồ 1:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

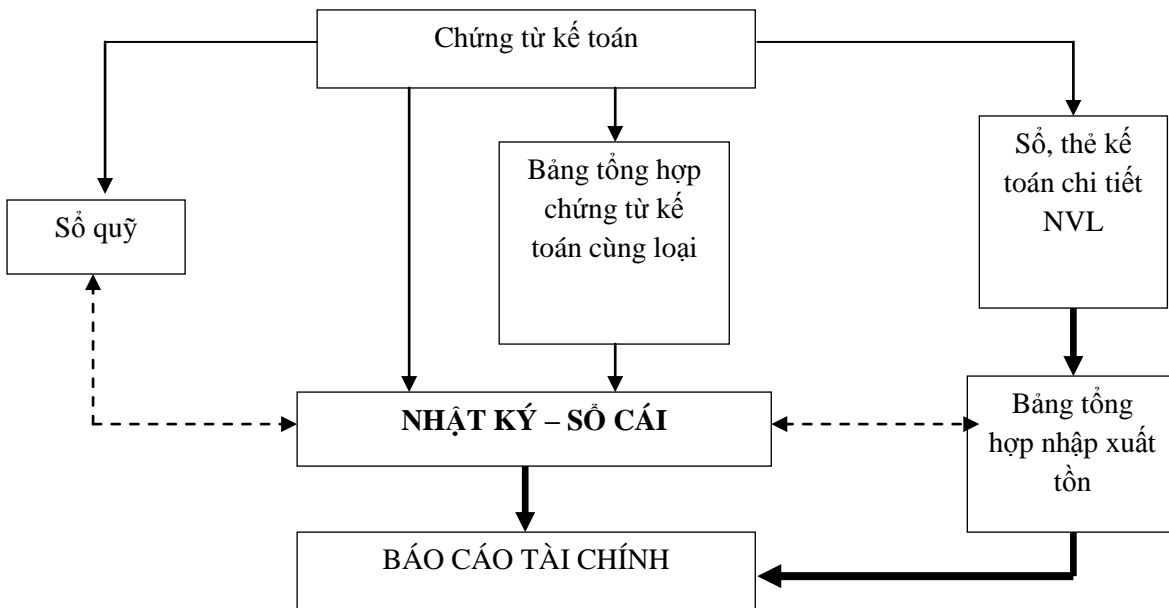
Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký – Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 2:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN

NHẬT KÝ-SỔ CÁI



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

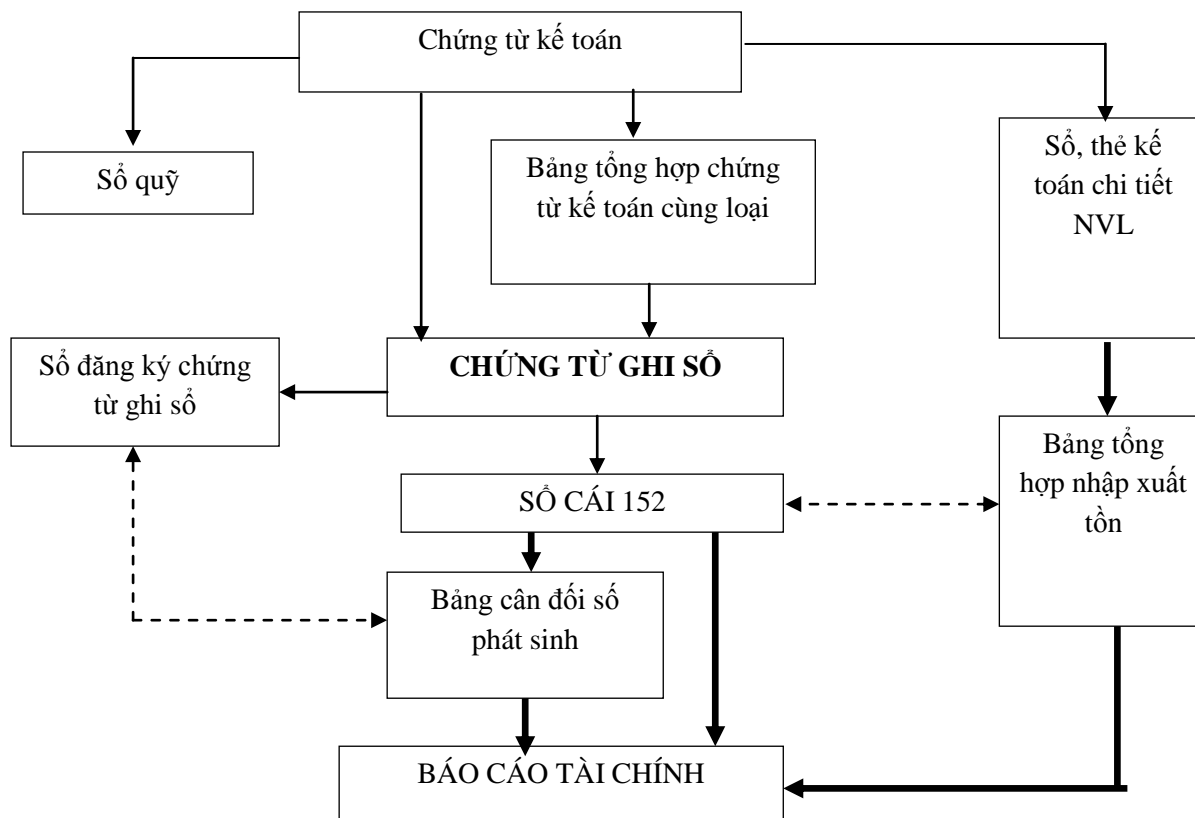
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ tức là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được ghi nhận trên chứng từ kế toán đều phải phân loại chứng từ kế toán, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và vào sổ cái theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, sử dụng nhiều lao động kế toán và nhiều tài khoản kế toán khi hạch toán.

Sơ đồ 3:

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN
CHỨNG TỪ GHI SỔ**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

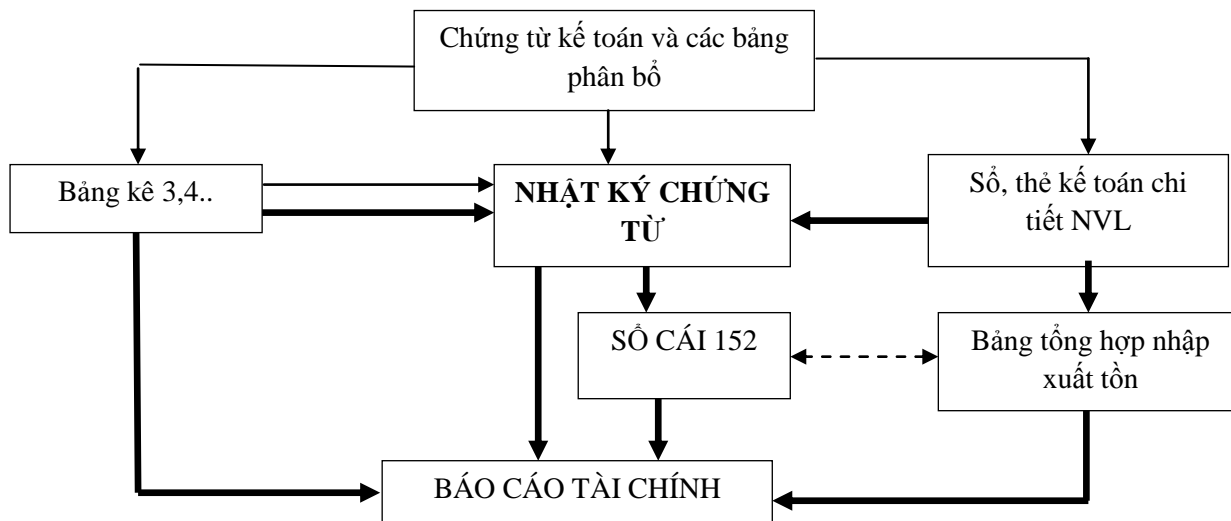
Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ tức là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên các chứng từ kế toán đều được phân loại và ghi sổ Nhật ký – Chứng từ theo bên Có TK liên quan đối ứng với bên Nợ của các TK khác.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, số lượng kế toán nhiều với trình độ chuyên môn cao.

Sơ đồ 4:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN

NHẬT KÝ-CHỨNG TỪ



- Ghi chú:*
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

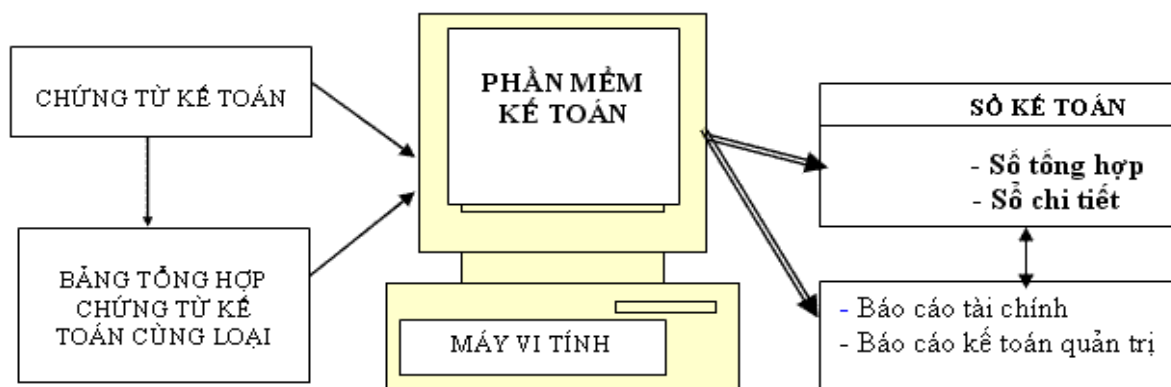
1.3.5. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên Máy tính: Là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

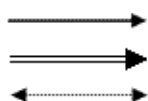
Sơ đồ 5:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH

Biểu số 05
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:



- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DAP

2.1. Khái quát chung về Công ty CP DAP

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công Ty Cổ phần DAP-VINACHEM được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200827051 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 26/10/2013 theo Mã số thuế doanh nghiệp số 0200827051

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DAP-VINACHEM

Tên viết tắt tiếng Việt : DAP COMPANY

Tên giao dịch: DAP -VINACHEM JOIN STOCK COMPANY

Tên viết tắt tiếng Anh : DAP COMPANY

Trụ sở chính: Lô GI-7, khu Kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0313 979368; Fax :0313979170

Mã số thuế:0200827051

E.mail :dapdinhvu@gmail.com

daphaiphong@gmail.com

Chức năng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- Các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty như sau:

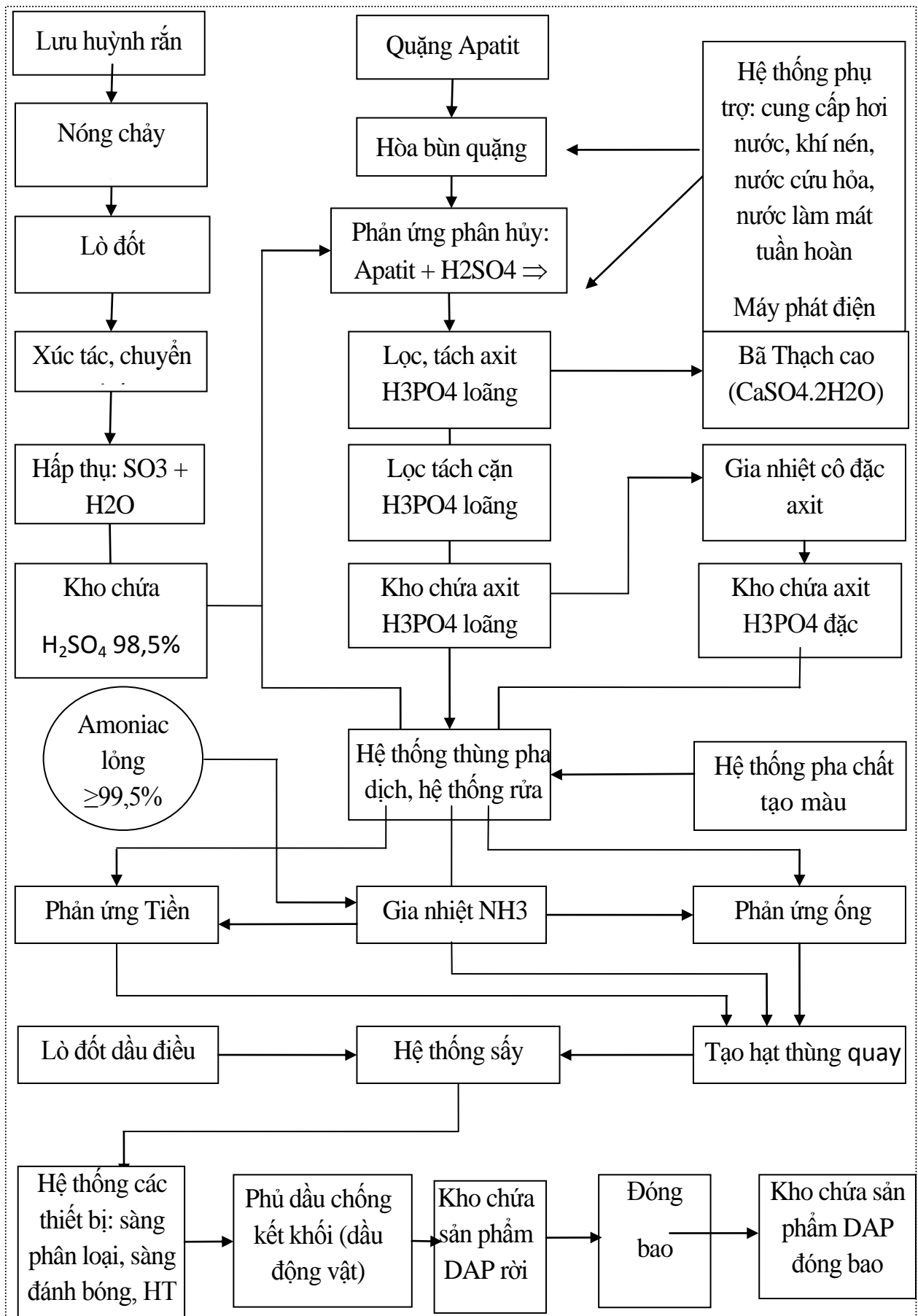
- + Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- + Sản xuất hóa chất cơ bản;
- + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán điện);
- + Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- + Sửa chữa thiết bị điện;
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- + Bán buôn chuyên kinh doanh các loại sản phẩm khác. Chi tiết: Bán buôn phân bón, hợp chất ni tơ và hóa chất cơ bản (không bao gồm thuốc trừ sâu và thuốc bảo vệ thực vật).

- Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

Công ty DAP là đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh phân bón và hóa chất vô cơ cơ bản cụ thể như sau:

- + Phân bón: Phân bón DAP
- + Hóa chất: Axít Sulfuric (H_2SO_4), Axít Phốt phoric (H_3PO_4); hợp chất ni tơ...
- + Sản xuất điện năng (để sử dụng nội bộ) và bán điện dư lên lưới.

2.1.2. Sản xuất và quy trình sản xuất

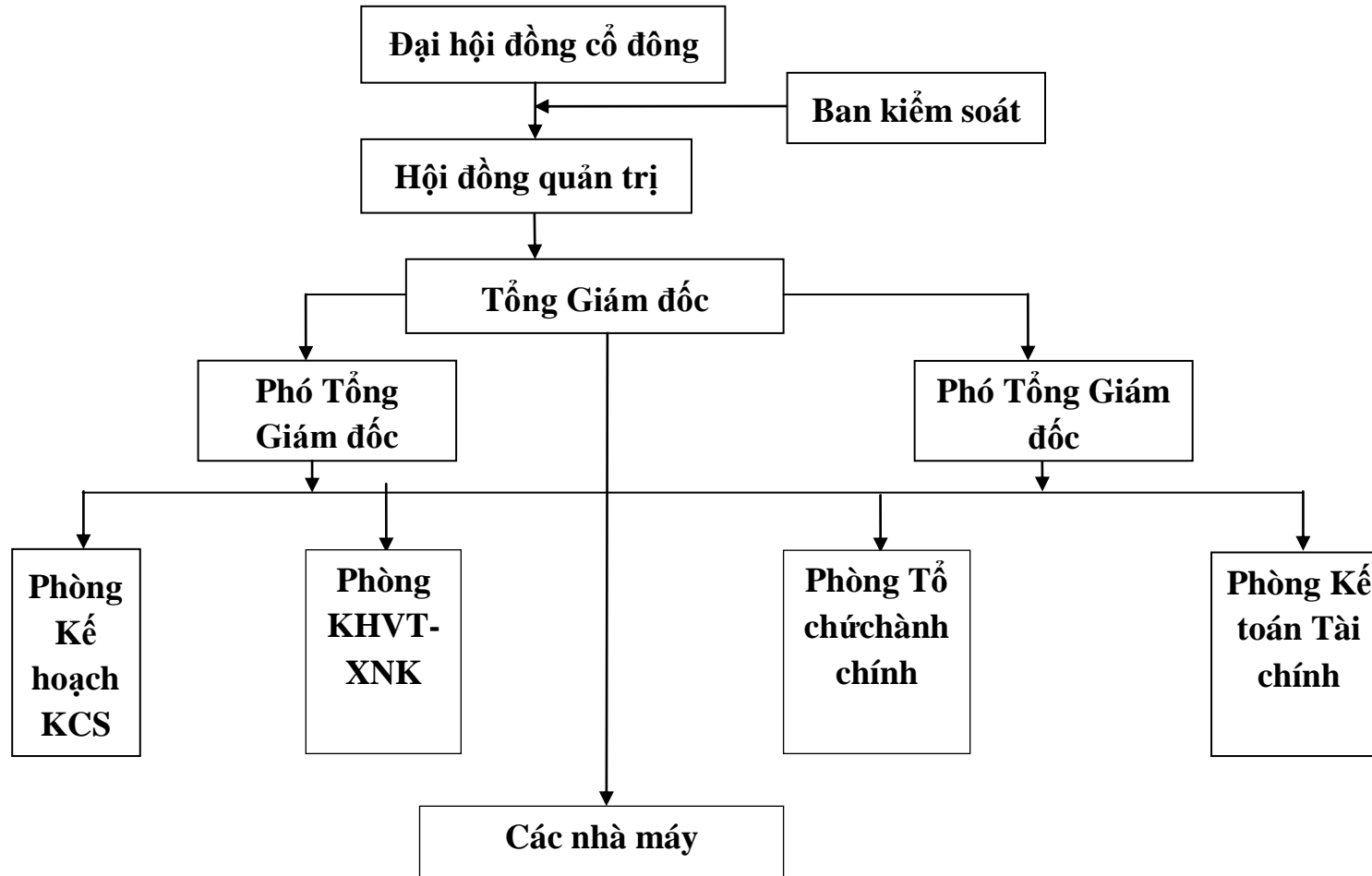


Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ Phần DAP-VINACHEM

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức sắp xếp một cách khoa học, hình thành các phòng ban chức năng, có sự phân công trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng. Mô hình này đảm bảo sự phát huy sáng tạo của các cấp, đồng thời đảm bảo tính cân đối, đồng bộ của các phòng ban.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty



Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

- *Đại hội cổ đông*: Đại hội cổ đông (ĐHCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông mỗi năm một lần vào Quý I năm tài chính. Trong trường hợp khẩn cấp có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường.

- *Hội đồng quản trị*: Là cơ quan quản lý công ty có quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị công ty là 03 năm. Hội đồng quản trị của công ty gồm 05 người gồm chủ tịch và các thành viên.

Hội đồng quản trị của công ty là cơ quan đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền nhân danh công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý của công ty.

- *Ban giám đốc*: Quản lý và điều hành toàn Công ty; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật; Chịu sự kiểm tra , giám sát của Hội đồng Quản trị Ban, kiểm soát và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ *Tổng giám đốc công ty*: Là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

+ *Phó Tổng giám đốc Công ty*: Giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty về công tác điều hành SXKD; Thực hiện nhiệm vụ được giao về công tác quản lý chất lượng.

- *Các phòng ban*: Phòng ban là các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ làm tham mưu cho tổng giám đốc trong việc chỉ đạo, tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý kinh doanh, tổ chức đời sống giữ gìn trật tự an ninh. Các phòng ban có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc thực hiện tiến độ sản xuất, quy trình công nghệ, định mức kinh tế kỹ thuật và các mặt quản lý chuyên môn.

+ *Phòng tài chính-kế toán*: Tổ chức ghi chép các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, lập báo cáo tài chính, tham mưu cho Tổng giám đốc về tình hình tài chính, thông tin kinh tế, thực hiện chế độ quyết toán đúng quy định của Nhà nước.

+ *Phòng kế hoạch vật tư – xuất nhập khẩu*: Tham mưu cho giám đốc trong việc điều tra, nắm bắt thị trường, giám đốc hợp đồng, trên cơ sở đó lập kế hoạch thông

tin quảng cáo sản phẩm của công ty trên thị trường, xây dựng giá bán sản phẩm ở thị trường nội địa, làm mọi thủ tục xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa, tổ chức giao nhận mua bán lượng vật tư hàng hóa cần thiết trong quá trình sản xuất cấp phát vật tư phục vụ kịp thời sản xuất, tổ chức chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, tổ chức mạng lưới tiêu thụ sản phẩm của công ty.

+ *Phòng kỹ thuật công nghệ - KCS*: Nghiên cứu, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ đối với tất cả các sản phẩm được sản xuất, xây dựng định mức tiêu hao vật tư phù hợp với yêu cầu sản phẩm theo định mức, yêu cầu của khách hàng và mang lại lợi ích cho công ty. Thiết kế, chế thử các dụng cụ phục vụ sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, lập kế hoạch sửa chữa thiết bị của công ty, tổ chức hợp lý đội ngũ kiểm tra chất lượng sản phẩm, kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ, xây dựng và đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiến hành tốt công tác quản lý chất lượng sản phẩm.

+ *Phòng Tổ chức hành chính*: Tham mưu cho giám đốc công ty về tổ chức sản xuất hợp lý, theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch lao động, tiền lương, thưởng nhằm khuyến khích người lao động, thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, xây dựng nội quy về an toàn lao động, các quy chế làm việc, các mối quan hệ giữa các đơn vị trong công ty nhằm xây dựng nề nếp, tổ chức và nâng cao hiệu quả của người lao động. Đồng thời tổ chức công tác hành chính, văn thư, sửa chữa nhà cửa và phương tiện quản lý. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên, kết hợp với cán bộ công nhân viên, kết hợp các đơn vị quản lý ngày công, BHXH của cán bộ công nhân viên.

Mỗi phòng ban có chức năng và nhiệm vụ riêng song giữa chúng lại có mối quan hệ mật thiết với nhau, cùng thực hiện chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong quản lý và điều hành công việc. Mỗi phòng được phụ trách bởi một trưởng phòng và một phó phòng giúp việc được chia thành những bộ phận cụ thể theo tính chất công việc.

+ *Các nhà máy*: là nơi trực tiếp làm ra sản phẩm của công ty, là nơi thực hiện chế độ pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của công ty. Nhà máy là nơi tổ chức sản xuất, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch mà công ty giao cho nhà máy, chịu sự chỉ đạo của ban giám đốc. Nhà máy là nơi trực tiếp sử dụng, giữ gìn, bảo vệ mọi

thiết bị, tài sản, tổ chức hợp lý lượng vật tư có hiệu quả nhất, là nơi trực tiếp quản lý lao động.

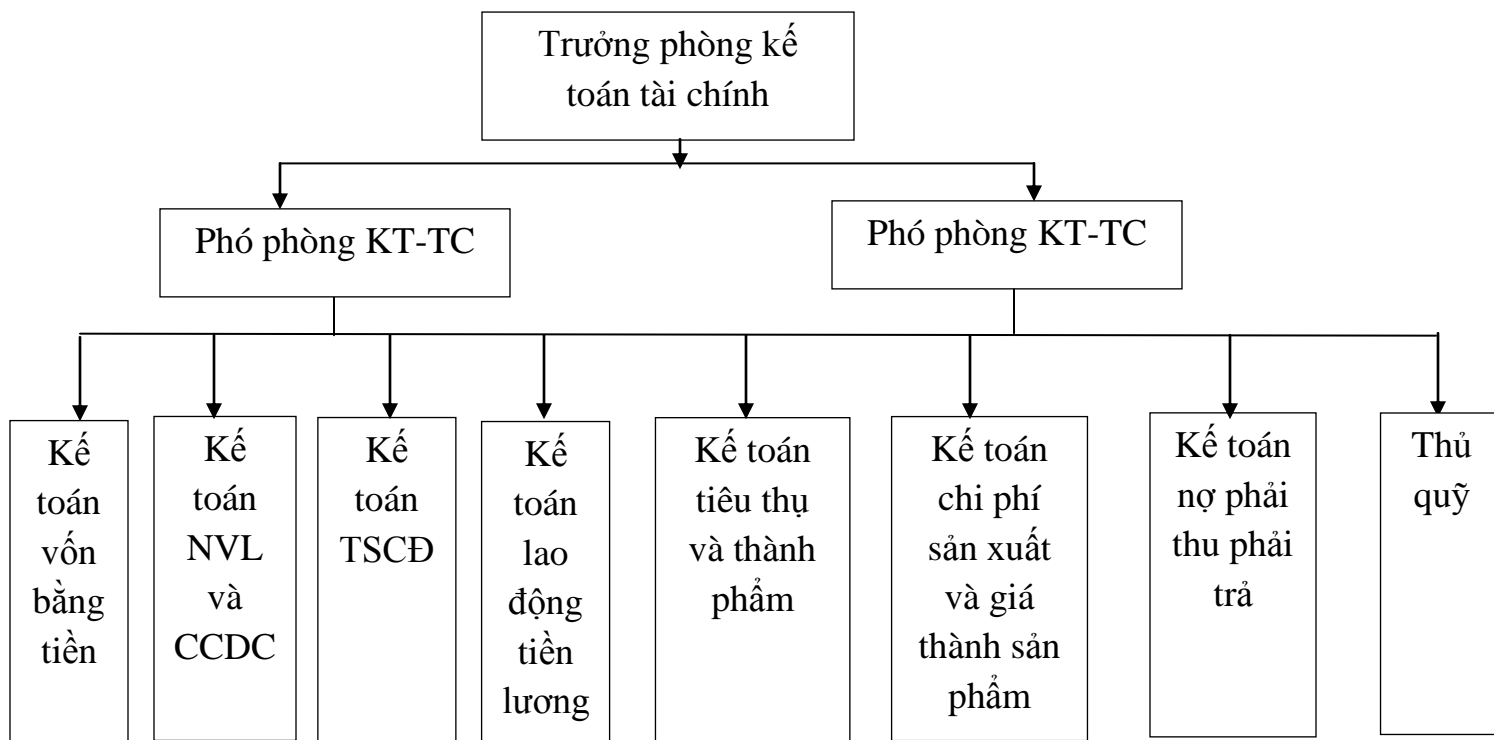
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP DAP

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý phải phù hợp với yêu cầu quản lý, trình độ cán bộ kế toán, bộ máy kế toán của Công ty Cổ Phần DAP- VINACHEM đã được tổ chức theo mô hình tập trung. Toàn bộ công việc kế toán ghi sổ kế toán, tổng hợp số liệu lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng tài chính kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo mô hình tập trung.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty



Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán

- *Kế toán trưởng*: Có nhiệm vụ quản lý các hoạt động của từng bộ phận kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt các chứng từ, báo cáo trước khi trình lên Giám đốc. Đồng thời phải duyệt quyết toán quý, năm các lệnh thu, chi theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Ngoài ra thực hiện việc rà soát kiểm

tra đối chiếu, điều chỉnh sai sót của các phân hành kế toán về mặt số liệu cũng như nội dung, sau đó cuối kỳ sẽ tổng hợp số liệu để lập các Báo cáo tài chính và Báo cáo tổng hợp.

- *Phó phòng KT-TC*: Giúp Trưởng phòng chỉ đạo, thực hiện một số nhiệm vụ công tác của phòng. Ký thay trưởng phòng các văn bản hành chính liên quan kinh tế tài chính theo ủy quyền của trưởng phòng khi vắng mặt.
- *Kế toán vốn bằng tiền*: Làm nhiệm vụ theo dõi sự biến động của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, vốn bằng tiền của Công ty. Ngoài ra còn có nhiệm vụ tính lương và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ cho cán bộ công nhân viên thông qua bảng chấm công hàng tháng.
- *Kế toán nguyên vật liệu (NVL) và công cụ dụng cụ (CCDC)*: có nhiệm vụ theo dõi chi tiết và tổng hợp tình hình xuất, nhập, tồn kho từng loại vật tư bao gồm: NVL chính, NVL phụ, phụ tùng thay thế và công cụ lao động.
- *Kế toán tài sản cố định*: Theo dõi tình hình biến động tăng giảm của TSCĐ phát sinh trong kỳ, phản ánh chính xác, kịp thời tình hình biến động của TSCĐ và tính toán phân bổ khấu hao vào sổ sách kế toán có liên quan.
- *Kế toán lao động tiền lương*: Có nhiệm vụ hạch toán, kiểm tra tình hình thực hiện quỹ lương, căn cứ vào bảng chấm công để lập bảng thanh toán tiền lương, tính toán trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định, lập bảng phân bổ tiền lương.
- *Kế toán thành phẩm và tiêu thụ*: Sẽ làm nhiệm vụ tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ rồi trên cơ sở đó tính giá thành cho sản phẩm.
- *Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*: có nhiệm vụ tổng hợp số liệu, xác định đối tượng tập hợp CPSX, tính giá thành, lên các báo cáo về chi phí, giá thành.
- *Kế toán nợ phải thu phải trả*: Ghi chép, phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ từng khoản nợ phải thu phải trả theo từng đối tượng: số nợ phải thu phải trả, số nợ đã thu đã trả và số nợ còn phải thu phải trả. Theo dõi chặt chẽ từng khoản nợ phải thu phải trả và thường xuyên kiểm tra đối chiếu việc thanh toán tiền nợ đối với khoản nợ phải trả, kiểm tra đối chiếu đơn đốc thu hồi nợ đối với khoản nợ phải thu.
- *Thủ quỹ*: Có nhiệm vụ quản lý kết tiền mặt tại đơn vị, có trách nhiệm theo dõi tình hình thu chi quỹ tiền mặt theo các phiếu thu và phiếu chi đã được kế toán

trường hoặc thủ trưởng đơn vị ký duyệt. Thường xuyên kiểm tra đối chiếu với kế toán tiền mặt và tiền gửi về số liệu phát sinh cũng như số dư tiền mặt trên sổ quỹ và sổ kế toán tiền mặt.

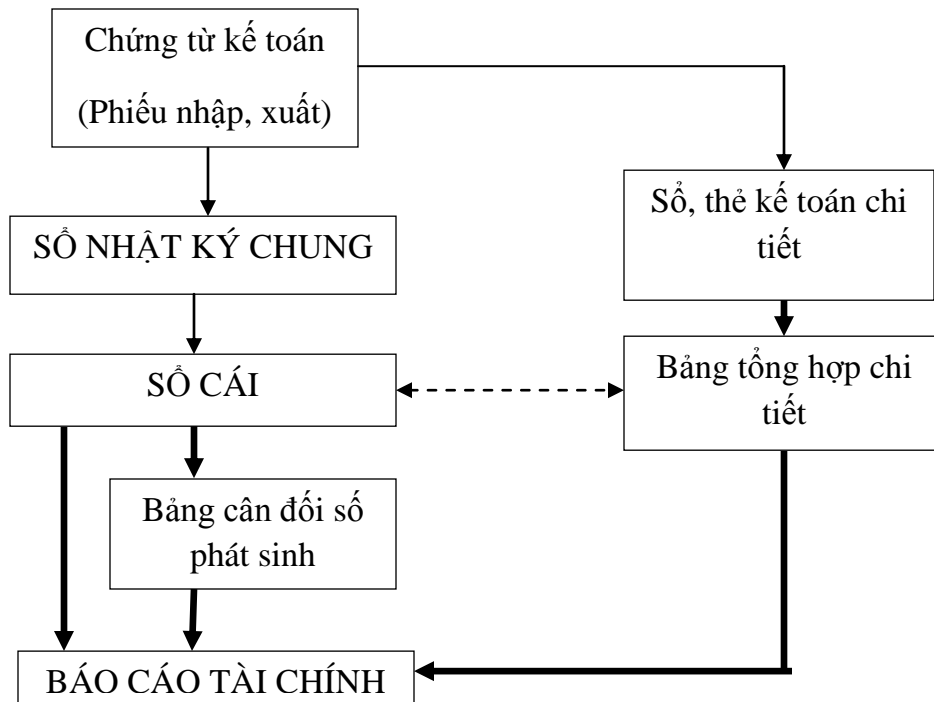
2.1.4.2. Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng tại công ty

- Hệ thống tài khoản kế toán: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo QĐ15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.
- Niên độ kế toán: Công ty áp dụng niên độ kế toán năm, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 Dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ kế toán sử dụng: đồng Việt Nam (“VNĐ”)
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Phương pháp kê khai và tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho: Công ty áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính trị giá vật tư hàng hóa xuất kho: Nhập trước – Xuất trước
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

2.1.4.3. Tổ chức sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Hệ thống sổ sử dụng

- *Sổ kế toán tổng hợp*: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu.
- *Sổ, thẻ kế toán chi tiết*: Công ty sử dụng rất nhiều loại sổ thẻ kế toán chi tiết khác nhau được áp dụng theo hình thức Nhật ký chung như: Sổ, thẻ kho chi tiết nguyên vật liệu.
- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- + Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung tại công ty CP DAP-VINACHEM

2.1.4.4. Tổ chức chứng từ và tài khoản kế toán

Tổ chức chứng từ kế toán

Công ty CP DAP-VINACHEM hầu như chỉ sử dụng chứng từ theo mẫu của Bộ tài chính (có sửa đổi với các chứng từ hướng dẫn để phù hợp với hoạt động của công ty). Việc lập, kiểm tra, luân chuyển và lưu trữ chứng từ của công ty tuân theo quy định của chế độ tài chính kế toán hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được lập chứng từ. Các chứng từ này, sau khi có đủ các yếu tố cơ bản và kiểm tra sẽ được vào sổ sách kế toán, sau đó chuyển sang lưu trữ.

Hiện nay, công ty đang sử dụng 24 chứng từ. Ngoài các chứng từ bắt buộc, các chứng từ còn lại đều được thay đổi cho phù hợp với hoạt động của công ty. Là một

doanh nghiệp hạch toán độc lập lại có quy mô lớn, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đời sống và đa dạng. Chính vì vậy, công ty CP DAP-VINACHEM hiện nay đã sử dụng phần lớn các tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.

Tổ chức hệ thống báo cáo

Hiện nay doanh nghiệp sử dụng 27 mẫu bảng biểu do Bộ tài chính quy định như Báo cáo giá thành thành phẩm, Báo cáo chi tiết kết quả kinh doanh, Báo cáo chi tiết chi phí bán hàng, Báo cáo chi tiết công nợ. Các báo cáo này được lập chủ yếu nhằm mục đích quản trị nội bộ. Trong các báo cáo trên có 4 báo cáo chính được lập hàng quý:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B-01/DN).
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B-02/DN).
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B-03/DN).
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B-09/DN).

Cuối năm, 4 báo cáo chính này được lập và gửi tới Ban lãnh đạo công ty, Tổng công ty Hóa chất Việt Nam, các cơ quan chức năng của Nhà nước (Cơ quan thuế, Tổng cục thống kê,..)

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP DAP-VINACHEM

2.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

❖ Đặc điểm NVL tại công ty CP DAP-VINACHEM

Vật liệu là một yếu tố vật chất quan trọng của quá trình sản xuất kinh doanh. Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu là một trong những bộ phận chủ yếu của việc tổ chức công tác kế toán tại một doanh nghiệp. Vậy để tổ chức tốt công tác kế toán về nguyên vật liệu thì trước hết phải tìm hiểu rõ về đặc điểm của nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất. Công ty CP DAP-VINACHEM là một Công ty chuyên sản xuất phân bón nông nghiệp vì thế mỗi một sản phẩm là tổng hợp của rất nhiều nguyên liệu hóa học. Là một công ty với quy mô sản xuất lớn nên khối

lượng nguyên vật liệu của công ty cũng rất lớn và đa dạng. Nguyên vật liệu chủ yếu của công ty là quặng Apatit, amoniac, xút lỏng,....

Với mục tiêu ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến chủng loại, tiến độ, hạ giá thành hợp lý để đáp ứng cho nhu cầu thị trường ngày một tăng. Do vậy ngay từ khâu thu mua nguyên vật liệu đến khâu bảo quản, dự trữ là điều rất cần thiết đối với công ty CP DAP-VINACHEM.

❖ *Phân loại nguyên vật liệu*

Để sản xuất sản phẩm Công ty sử dụng khối lượng vật liệu gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, mỗi loại đều có vai trò, công dụng, tính năng lý hóa khác nhau. Để quản lý một cách chặt chẽ, có hiệu quả, tổ chức hạch toán chi tiết đối với từng thứ, loại vật liệu. Nguyên vật liệu của Công ty được chia thành các loại như sau:

- *Nguyên vật liệu chính:* Là đối tượng lao động chủ yếu của Công ty, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm như: quặng apatit tuyển, lưu huỳnh, amoniac, axit sunfuric...
- *Nguyên vật liệu phụ:* Là những vật liệu có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất, bao gồm những thứ vật liệu khi tham gia vào sản xuất kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc hình dáng bề ngoài sản phẩm, giúp làm tăng thêm chất lượng sản phẩm hoặc đảm bảo cho hoạt động sản xuất tiến hành được thuận lợi... Vật liệu phụ gồm nhiều loại khác nhau như: vôi cục, chất chống kết khối DAP, phèn kép, xút NaOH,...
- *Nhiên liệu:* Là các loại vật liệu khi sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho các loại máy móc, thiết bị sản xuất và xe cộ của Công ty như: dầu vỏ hạt điều, dầu mazut,...

2.2.1.1. Thủ tục nhập xuất nguyên vật liệu

Đối với vật liệu nhập kho

Vật liệu tại Công ty nhập kho chủ yếu là do mua ngoài và được đánh giá theo giá thực tế

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Các loại} & & \text{Chi tiết} & & \text{Các khoản chiết} \\ \text{tế nhập} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thuế không} & + & \text{liên quan} & - & \text{khấu, giảm} \\ \text{kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{hoàn lại} & & \text{trực tiếp} & & \text{giá(nếu có)} \end{array}$$

Hàng tháng căn cứ vào nhu cầu sản xuất và định mức tiêu hao NVL do phòng kỹ thuật đề ra, phòng vật tư sẽ lên kế hoạch nhập kho NVL. Sau khi thu mua NVL sẽ được kiểm tra lại về mặt chất lượng bởi bộ phận KCS của phòng kỹ thuật trước khi tiến hành nhập kho, nếu đạt tiêu chuẩn sẽ được tiến hành làm thủ tục nhập kho. Cán bộ tham gia công tác kiểm tra hàng hoá bao gồm đại diện của phòng kỹ thuật, kế toán trưởng và thủ kho.

Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục, phòng kế hoạch vật tư sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT để viết phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được viết làm 3 liên: một liên giao cho phòng vật tư giữ, một liên giao cho thủ kho và một liên giao cho phòng kế toán kèm theo chứng từ để hạch toán nghiệp vụ phát sinh.

Ví dụ 1: Ngày 4 tháng 12 năm 2014, nhập kho 800 kg Dầu vỏ hạt điều của Công ty TNHH TM XNK Khánh Minh, đơn giá chưa thuế của Dầu vỏ hạt điều 11.300đ/kg. Chi phí vận chuyển bốc dỡ đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp đã thanh toán bằng tiền mặt.

Giá thực tế của Dầu vỏ hạt điều nhập kho là $800 \times 11.300 = 9.040.000$

Khi hàng về tới kho căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0043535 và số thực nhập phòng vật tư lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho viết thành 3 liên chuyển cho các bên liên quan. Trước khi nhập kho công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư, kiểm nhận số lượng, chất lượng số NVL vừa mua.

Biểu số 2.1:Hóa đơn GTGT

CÔNG TY TNHH TM XNK KHÁNH MINH

Mẫu số: 01GTGT3/001

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: 01AA/14P

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Số: 0043535

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM XNK Khánh Minh

Mã số thuế: 0201204934

Địa chỉ: Số 711A Ngô Gia Tự-Đặng Lâm-Hải An-Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty CP DAP - VINACHEM

Mã số thuế: 0200827051

Địa chỉ: Lô GI-7 Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải- Hải An-Hải Phòng

Thanh toán bằng: TM

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Dầu vỏ hạt điều	kg	800	11.300	9.040.000

Cộng tiền hàng: 9.040.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 904.000

Tổng cộng thanh toán: 9.944.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng./.

Người mua hàng
(ký, họ tên)

Người bán hàng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 2.2: Biên bản kiểm nghiệm

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Mẫu số 03-VT

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông
Hải-Hải An-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0043535 ngày 04/12/2014 của Công ty TNHH TM XNK
Khánh Minh giao:

Bản kiểm nghiệm gồm:

Ông: Trần Văn Dương - Đại diện phòng kỹ thuật

Bà: Phan Thị Do - Đại diện cho thủ kho

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư, công cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số lượng đúng quy cách	Số lượng không đúng	
1	Dầu vỏ hạt điều	DD	kg	800	800	0	

Đã kiểm nghiệm

Kết quả của ban kiểm nghiệm: Hoàn toàn đúng với yêu cầu chất lượng đạt được.

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Bên giao
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3: Giấy báo Nợ

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM
Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông
Hải-Hải An-Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Quyển số: 5
Số: 150
Nợ: 152,133
Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Thắng - Công ty TNHH TM Khánh Minh

Địa chỉ: Số 711A Ngô Gia Tự-Đặng Lâm-Hải An-Hải Phòng

Lý do chi: trả tiền mua Dầu vỏ hạt điều

Số tiền: 9.944.000 (viết bằng chữ): Chín triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng ./.

Kèm theo 03 chứng từ gốc: Hóa đơn GTGT số 0043535, Phiếu nhập kho, Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM
Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông
 Hải-Hải An-Hải Phòng

Mẫu số 01-VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO
 Số: PNK 328
 Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Nợ TK 152
Có TK 111

-Họ và tên người giao: Nguyễn Văn Thắng - Công ty TNHH TM XNK Khánh Minh

-Theo hóa đơn số 0043535 ngày 04 tháng 12 năm 2014

Nhập tại kho: Vật liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu vỏ hạt điều	DD	kg	800	800	11.300	9.040.000
	Cộng						9.040.000

- **Tổng số tiền(viết bằng chữ): Chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng./.**

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người giao hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
--	--	--------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------

Ví dụ 2: Ngày 05 tháng 12 năm 2014 nhập kho 50 tấn Axit Sunfuric của Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình. Đơn giá chưa thuế GTGT là 2.500.000 đ/ tấn. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Giá thực tế của Axit Sunfuric nhập kho là: $50 \times 2.500.000 = 125.000.000$ đồng

Khi hàng về tới kho căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0043536 và số thực tế nhập kho phòng vật tư lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho viết thành 3 liên chuyển cho các bên liên quan. Trước khi nhập kho công ty tiến hành kiểm nghiệm vật tư, kiểm nhận số lượng, chất lượng số NVL vừa mua.

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT

CÔNG TY CP XNK QUẢNG BÌNH	Mẫu số: 01GTGT3/001				
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao cho khách hàng	Ký hiệu: 01AA/14P				
Ngày 05 tháng 12 năm 2014	Số: 0043536				
Đơn vị bán hàng: Công ty CP XNK Quảng Bình					
Mã số thuế: 0200730878					
Địa chỉ: Xóm 2 Thụ Khê, X.Liên Khê, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP DAP - VINACHEM					
Mã số thuế: 0200827051					
Địa chỉ: Lô GI-7 Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải- Hải An-Hải Phòng					
Thanh toán bằng: CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Axit Sunfuric	Tấn	50	2.500.000	125.000.000
Cộng tiền hàng:					125.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		12.500.000
Tổng cộng thanh toán:					137.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng./.					
Người mua hàng (ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên)	

Biểu số 2.6: Biên bản kiểm nghiệm

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Mẫu số 03-VT

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông
Hải-Hải An-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0043536 ngày 05/12/2014 của Công ty CP XNK Quảng Bình:

Bản kiểm nghiệm gồm:

Ông: Trần Văn Dương - Đại diện phòng kỹ thuật

Bà: Phan Thị Do - Đại diện cho thủ kho

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư, công cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số lượng đúng quy cách	Số lượng không đúng	
1	Axit Sunfuric	H_2SO_4	Tấn	50	50	0	

Đã kiểm nghiệm

Kết quả của ban kiểm nghiệm: Hoàn toàn đúng với yêu cầu chất lượng đạt được.

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Bên giao
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Phiếu nhập kho

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM
Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông
 Hải-Hải An-Hải Phòng

Mẫu số 01-VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO
 Số: PNK 329
 Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Nợ TK 152
Có TK 331

-Họ và tên người giao: Vũ Chí Công - Công ty CP XNK Quảng Bình

-Theo hóa đơn số 0043536 ngày 05 tháng 12 năm 2014

Nhập tại kho: Vật liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Axit Sunfuric	H ₂ SO ₄	Tấn	50	50	2.500.000	125.000.000
	Cộng						

- **Tổng số tiền: 125.000.000 (viết bằng chữ): Một trăm hai mươi năm triệu đồng./.**

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người giao hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
--	--	--------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------

Đối với vật liệu xuất kho

Vật liệu chủ yếu được xuất kho cho các nhà máy thuộc Công ty để sản xuất phân bón DAP.

+ Xuất kho để sử dụng cho sản xuất kinh doanh: Trước tiên, căn cứ vào kế hoạch sản xuất và định mức tiêu hao vật liệu do Phòng kỹ thuật đề ra, đồng thời căn cứ vào nhu cầu sản xuất thực tế của các nhà máy. Quản đốc sẽ trình đơn xin lĩnh vật liệu, trong đó liệt kê các loại vật liệu cần thiết lên Phòng kế hoạch vật tư xem xét. Phòng kế hoạch vật tư sẽ căn cứ vào đó lập giấy đề nghị cấp vật tư và viết phiếu xuất kho, sau đó trình lên Giám đốc và Kế toán trưởng. Sau khi Giám đốc và Kế toán trưởng đồng ý và ký duyệt vào phiếu xuất kho, thì phòng vật tư sẽ gửi phiếu đó cho thủ kho.

+ Thủ kho sau khi nhận được phiếu xuất kho, kiểm tra thấy hợp lệ thì tiến hành xuất vật liệu theo đúng số lượng và chủng loại vật liệu ghi trong phiếu xuất kho. Sau đó thủ kho và người nhận vật liệu ký vào phiếu xuất kho. Vật liệu xin xuất dùng phải cần có sự đồng ý của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc trước khi xuất vật tư.

Ví dụ 3: Ngày 07 tháng 12 năm 2014 xuất 1500kg Dầu vỏ hạt điều phục vụ sản xuất tại nhà máy DAP.

Ta có: Số lượng Dầu vỏ hạt điều tồn đầu kỳ là 1200kg, đơn giá 11.200đ/kg.

⇒ Trị giá Dầu vỏ hạt điều tồn đầu kỳ là: 13.440.000 đồng.

Mà số lượng Dầu vỏ hạt điều nhập kho ngày 04/12/2014 là 800kg, đơn giá 11.300đ/kg. Vậy theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước thì trị giá xuất Dầu vỏ hạt điều xuất kho ngày 07/12/2014 là:

$$1200 \times 11.200 + 300 \times 11.300 = 16.830.000 \text{ đồng.}$$

Biểu số 2.8: Giấy đề nghị

CÔNG TY CP DAP-VINACHEM
TỔ SẢN XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2014

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Kính gửi: Ban kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm của công ty

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt một số nhiên liệu sau:

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu vỏ hạt điều	kg	1500	

Giám đốc công ty
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ban kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Tổ sản xuất
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông
Hải-Hải An-Hải Phòng

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số 878

Ngày 07 tháng 12 năm 2014

Nợ TK 621

Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Quang Tuyền

Địa chỉ: Phân xưởng

Lý do xuất: xuất vật tư sản xuất nhà máy DAP

Xuất tại kho: Vật liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu vỏ hạt điều	DD	kg	1200	1200	11.200	13.440.000
	Dầu vỏ hạt điều	DD	kg	300	300	11.300	3.390.000
	Cộng			1500			16.830.000

- **Tổng số tiền: 16.830.000 (viết bằng chữ): Mười sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng./.**

Ngày 07 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Ví dụ 4: ngày 08 tháng 12 năm 2014. Xuất 100 tấn Axit Sunfuric để phục vụ sản xuất nhà máy DAP.

Ta có: Số lượng Axit Sunfuric tồn đầu kỳ là 70 kg, đơn giá 2.450.000đ/kg.

⇒ Trị giá Axit Sunfuric tồn đầu kỳ là: 171.500.000đồng.

Mà số lượng Axit Sunfuric nhập kho ngày 05/12/2014 là 50kg, đơn giá 2.500.000đ/kg. Vậy theo phương pháp Nhập trước Xuất trước thì trị giá xuất Axit Sunfuric xuất kho ngày 08/12/2014 là:

$$70 \times 2.450.000 + 30 \times 2.500.000 = 246.500.000\text{đồng.}$$

Biểu số 2.10: Giấy đề nghị

CÔNG TY CP DAP-VINACHEM
TỔ SẢN XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2014

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Kính gửi: Ban kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất tại nhà máy DAP

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt một số nhiên liệu sau:

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Axit Sunfuric	Tấn	100	

Giám đốc công ty
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ban kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Tổ sản xuất
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM
Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông
 Hải-Hải An-Hải Phòng

Mẫu số 02-VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
 Số: P XK 879
 Ngày 08 tháng 12 năm 2014

Nợ TK 621
Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Quang Tuyền

Địa chỉ: Phân xưởng

Lý do xuất: xuất vật tư sản xuất tại nhà máy DAP

Xuất tại kho: Vật liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Axit Sunfuric	H ₂ SO ₄	Tấn	70	70	2.450.000	171.500.000
	Axit Sunfuric	H ₂ SO ₄	Tấn	30	30	2.500.000	75.000.000
	Cộng						246.500.000

- **Tổng số tiền: 246.500.000 (viết bằng chữ): Hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng./.**

Ngày 08 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

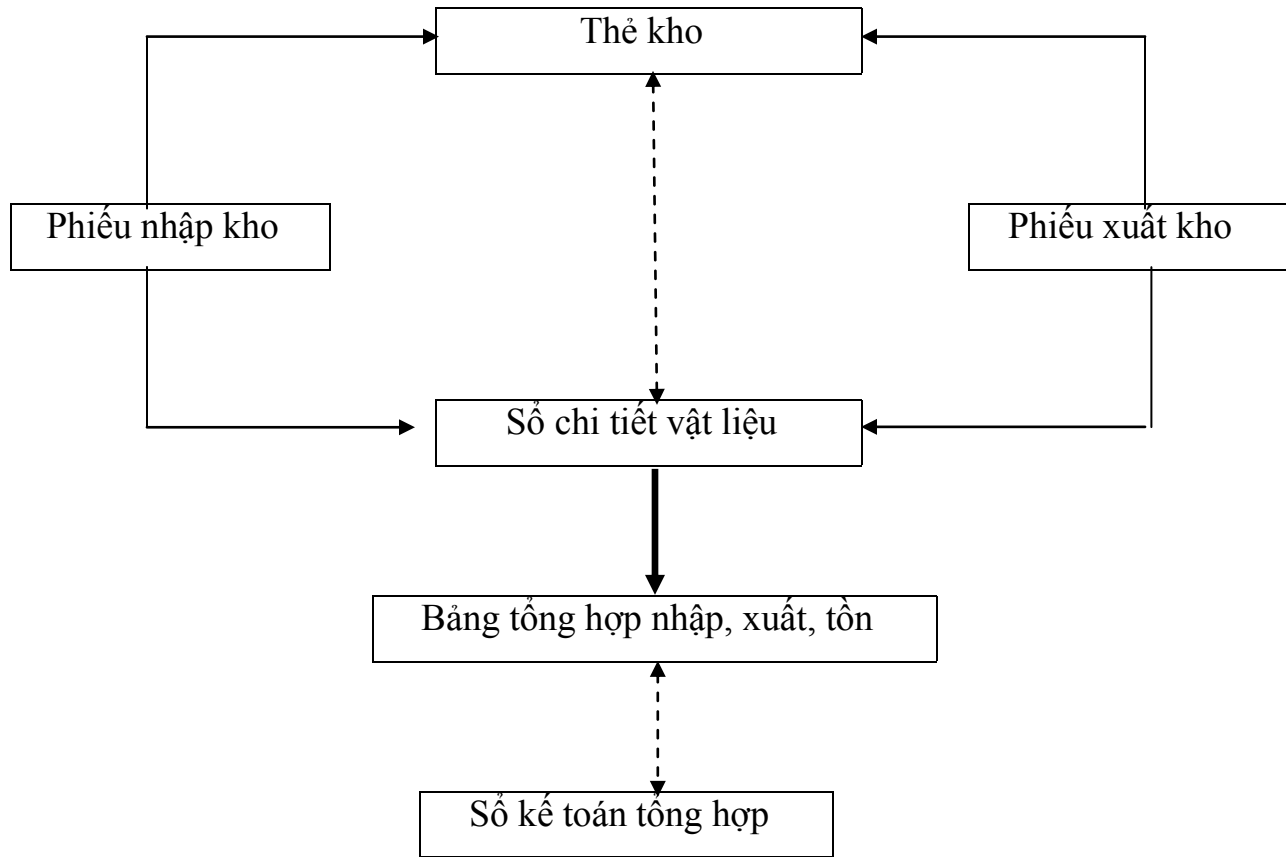
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.1.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng, chủng loại, chất lượng giá trị... ở Công ty rất phức tạp. Nghiệp vụ nhập xuất diễn ra hàng ngày do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết vật liệu là vô cùng quan trọng.

Nội dung phương pháp ghi thẻ song song được thực hiện tại Công ty:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

- *Tại kho:* Thủ kho công ty sử dụng “thẻ kho” để theo dõi tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu về mặt hiện vật, nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của chứng từ rồi căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất NVL ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho và số thực tế có trong kho.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán NVL của công ty cũng dựa trên chứng từ nhập, xuất NVL để ghi số lượng và tính thành tiền NVL nhập, xuất kho vào “Sổ chi tiết NVL” (mở tương ứng với thẻ kho).

+ Đối với NVL nhập kho: Kế toán nhập số lượng, đơn giá, sau đó tính thành tiền.

+ Đối với NVL xuất kho: Kế toán nhập số lượng xuất, xác định đối tượng chi phí, đơn giá xuất, trị giá xuất kho tính theo phương pháp Nhập trước-Xuất trước.

=> Cuối tháng, từ “Sổ chi tiết NVL”, kế toán lấy số liệu để ghi vào “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu” theo từng danh điểm, từng loại NVL và tiến hành:

+ Đối chiếu số liệu trên “Sổ chi tiết NVL” với “Thẻ kho” của thủ kho.

+ Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu” với số liệu “Sổ kế toán tổng hợp”.

***Tiếp Ví dụ 1:* Ngày 4 tháng 12 năm 2014, nhập kho 800 kg Dầu vỏ hạt điều của Công ty TNHH TM XNK Khánh Minh, đơn giá chưa thuế của Dầu vỏ hạt điều 11.300đ/kg . Chi phí vận chuyển bốc dỡ đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp đã thanh toán bằng tiền mặt.**

Khi đã nhập kho, từ phiếu nhập kho số 328 (Biểu số 2.4) thủ kho vào Thẻ kho (Biểu 2.12) đồng thời kế toán vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2.13). Cuối tháng, từ Sổ chi tiết NVL kế toán vào Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (Biểu 2.16).

***Tiếp Ví dụ 3:* Ngày 07 tháng 12 năm 2014 xuất 1500kg Dầu vỏ hạt điều phục vụ sản xuất tại nhà máy DAP.**

Từ phiếu xuất kho số 878 (Biểu 2.9) thủ kho vào thẻ kho (Biểu 2.12) đồng thời kế toán vào Sổ chi tiết NVL (Biểu 2.13). Cuối tháng, từ Sổ chi tiết NVL kế toán vào Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (Biểu 2.16).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12: Thẻ kho

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2014

Tờ số: 1

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm hàng hóa: Dầu vỏ hạt điều – Mã hiệu: DD

Đơn vị tính: Kg

Ngày nhập xuất	Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
	Số phiếu		Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Tồn đầu tháng 12			1.200	
04/12/2014	PNK 328		04/12	Nhập kho Dầu vỏ hạt điều	800		2.000	
07/12/2014		PXK 878	07/12	Xuất kho Dầu vỏ hạt điều để phục vụ sản xuất nhà máy DAP		1.500	500	
							
				Cộng phát sinh tháng 12	13.170	10.080		
				Tồn cuối tháng			4.290	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

HỌ VÀ TÊN : TRẦN THỊ VÂN ANH
LỚP : QT1505K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13: Sổ chi tiết vật liệu

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản: 152 – Dầu vỏ hạt điều

Mã hiệu: DD – Đơn vị tính: Kg

Từ ngày: 01/12/2014 đến ngày 31/12/2014

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
		Tồn đầu tháng		11.200					1.200	13.440.000	
PNK 328	04/12	Nhập kho Dầu vỏ hạt điều	111	11.300	800	9.040.000			800	9.040.000	
				11.200					1.200	13.440.000	
PXK 787	07/12	Xuất kho Dầu vỏ hạt điều để phục vụ sản xuất nhà máy DAP	621	11.200			1.200	13.440.000			
			621	11.300			300	3.390.000	500	5.650.000	
										
		Cộng phát sinh			13.170	148.821.000	10.080	113.784.000			
		Tồn cuối tháng		11.200					4.000	44.800.000	
				11.300					290	3.277.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

HỌ VÀ TÊN : TRẦN THỊ VÂN ANH
LỚP : QT1505K

Tiếp ví dụ 2: Ngày 05 tháng 12 năm 2014 nhập kho 50 tấn Axit Sunfuric của Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình. Đơn giá chưa thuế GTGT là 2.500.000 đ/tấn. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Khi đã nhập kho, từ phiếu nhập kho số 329 (Biểu số 274) thủ kho vào Thẻ kho (Biểu 2.14) đồng thời kế toán vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2.15). Cuối tháng, từ Sổ chi tiết NVL kế toán vào Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (Biểu 2.16).

Tiếp ví dụ 4: ngày 08 tháng 12 năm 2014. Xuất 100 tấn Axit Sunfuric để phục vụ sản xuất nhà máy DAP.

Từ phiếu xuất kho số 879 (Biểu 2.11) thủ kho vào thẻ kho (Biểu 2.14) đồng thời kế toán vào Sổ chi tiết NVL (Biểu 2.15). Cuối tháng, từ Sổ chi tiết NVL kế toán vào Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (Biểu 2.16).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14: Thẻ kho

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2014

Tờ số: 1

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm hàng hóa: Axit Sunfuric – Mã hiệu: H₂SO₄

Đơn vị tính: Tấn

Ngày nhập xuất	Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
	Số phiếu		Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Tồn đầu tháng 12			70	
05/12	PNK329		05/12	Nhập kho Axit Sunfuric	50		120	
08/12		PXK879	05/12	Xuất kho phục vụ sản xuất nhà máy DAP		100	20	
....							
				Cộng phát sinh tháng 12	650	705		
				Tồn cuối tháng			15	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Sổ chi tiết vật liệu

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản: 152 – Axit Sunfuric

Mã hiệu: H₂SO₄ – Đơn vị tính: Tấn

Từ ngày: 01/12/2014 đến ngày 31/12/2014

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
		Tồn đầu tháng 12		2.450.000					70	171.500.000	
PNK329	05/12	Nhập kho Axit Sunfuric	331	2.500.000	50	125.000.000			50	125.000.000	
				2.450.000					70	171.500.000	
PXK879	08/12	Xuất kho Axit Sunfuric phục vụ sản xuất nhà máy DAP	621	2.450.000			70	171.500.000			
			621	2.500.000			30	75.000.000	20	50.000.000	
									
		Cộng phát sinh tháng 12			650	1.625.000.000	705	1.759.000.000			
		Tồn cuối tháng		2.500.000					15	37.500.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16: Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2014

Tài khoản: 152

STT	Tên vật liệu	Mã vật tư	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
									
3	Dầu vỏ hạt điều	DD	1.200	13.440.000	13.170	148.821.000	10.080	113.784.000	4.290	48.077.000
4	Axit Sunfuric	H₂SO₄	70	171.500.000	650	1.625.000.000	705	1.759.000.000	15	37.500.000
	...									
6	Amoniac	NH ₃	135	202.500.000	960	1.584.000.000	1.060	1.728.750.000	35	57.750.000
									
	Tổng cộng			802.651.000		6.616.000.080		6.875.000.860		543.650.220

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty CP DAP-VINACHEM

Song song với công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu được trong công tác kế toán nguyên vật liệu. Kế toán tổng hợp là việc sử dụng các tài khoản để phản ánh, kiểm tra, giám sát các đối tượng kế toán ở dạng tổng hợp có cùng nội dung kinh tế. Do đặc điểm nguyên vật liệu ở công ty đa dạng nên công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nhập, xuất nguyên vật liệu.

Chứng từ sử dụng

Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT...

Tài khoản sử dụng

Để hạch toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu: Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế. Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ vật liệu tùy theo yêu cầu và phương tiện thanh toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 152:

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.

Số dư bên Nợ:

- Phản ánh trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho (đầu kỳ hoặc cuối kỳ).

Tại công ty, kế toán nguyên vật liệu sử dụng một số TK:

TK 152: Nguyên vật liệu

- Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản:

TK 111: Tiền mặt.

TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

TK 331: Phải trả cho người bán.

.....

- Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản:

TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

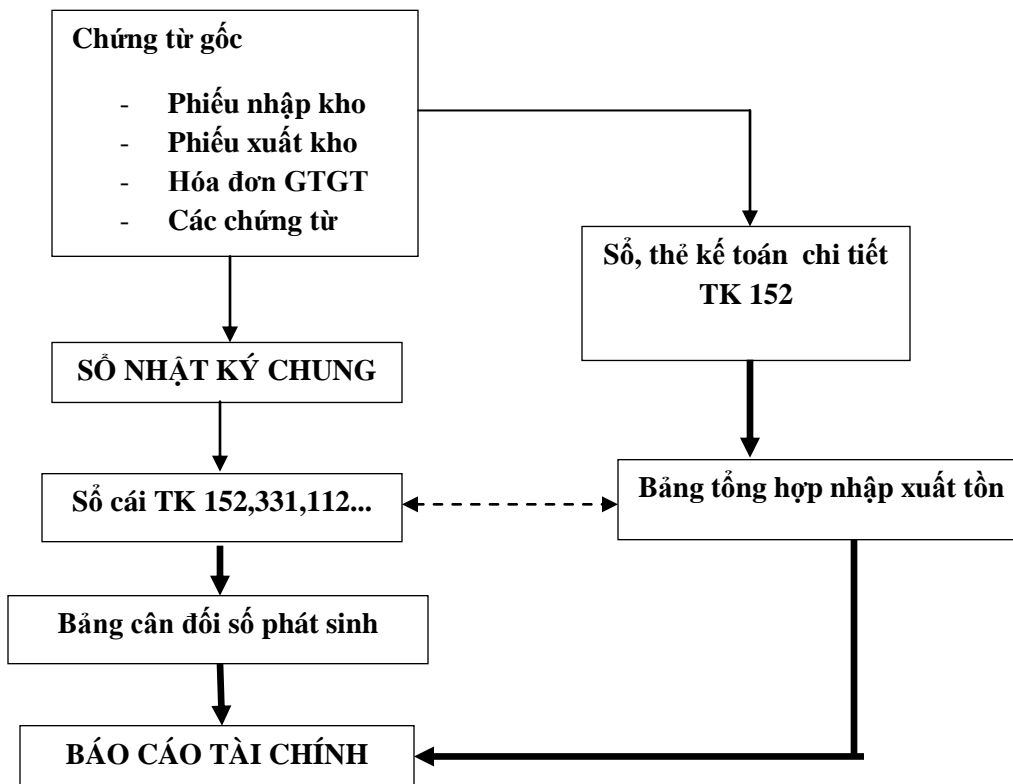
TK 627: Chi phí sản xuất chung.

TK 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

.....

Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản 152, 1331, 111,...
- + Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh(Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp nhập xuất tồn (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL)). Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sẽ được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Tiếp ví dụ 1: Ngày 4 tháng 10 năm 2014, nhập kho 800 kg Dầu vỏ hạt điều của Công ty TNHH TM XNK Khánh Minh, đơn giá chưa thuế của Dầu vỏ hạt điều 11.300đ/kg . Chi phí vận chuyển bốc dỡ đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%.Doanh nghiệp đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0043535 và chứng từ liên quan kế toán ghi vào sổ sách định khoản:

Nợ TK 152: 9.040.000

Nợ TK 133: 904.000

Có TK 111: 9.944.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0043535 (Biểu số 2.1) và chứng từ có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17). Đồng thời kế toán chi tiết sẽ ghi sổ chi tiết tài khoản 152 (Biểu 2.13). Sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái 152 (Biểu 2.18), 133, 111. Đến cuối kỳ, từ Sổ chi tiết NVL sẽ lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn. Đồng thời từ sổ cái 152,133,111 kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh(Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái TK 152 với Bảng tổng hợp xuất nhập tồn). Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Tiếp ví dụ 2: Ngày 05 tháng 10 năm 2014 nhập kho 50 tấn Axit Sunfuric của Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình. Đơn giá chưa thuế GTGT là 2.500.000 đ/

tân. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0043536 và chứng từ liên quan kế toán ghi vào sổ sách định khoản:

Nợ TK 152: 125.000.000

Nợ TK 133: 12.500.000

Có TK 331: 137.500.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 004353 (Biểu số 2.5) và chứng từ có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17). Đồng thời kế toán chi tiết sẽ ghi sổ chi tiết tài khoản 152 (Biểu 2.14). Sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái 152 (Biểu 2.18), 133, 331. Đến cuối kỳ, từ Sổ chi tiết NVL sẽ lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn. Đồng thời từ sổ cái 152,133,331 kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh (Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái TK 152 và Bảng tổng hợp xuất nhập tồn) .Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Tiếp ví dụ 3: Ngày 07 tháng 10 năm 2014 xuất 1500kg Dầu vỏ hạt điều phục vụ sản xuất tại nhà máy DAP.

Kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 621 : 16.830.000

Có TK 152: 16.830.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho 878 và các chứng từ liên quan, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17). Đồng thời kế toán chi tiết sẽ ghi Sổ chi tiết tài khoản 152 (Biểu 2.13). Sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái 152 (Biểu 2.18), 621. Đến cuối kỳ từ sổ chi tiết NVL sẽ lập bảng tổng hợp xuất nhập tồn. Đồng thời, từ Sổ cái 152,621 kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh(Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái TK 152 và Bảng tổng hợp xuất nhập tồn).Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Tiếp ví dụ 4: ngày 08 tháng 10 năm 2014. Xuất 100 tấn Axit Sunfuric để phục vụ sản xuất nhà máy DAP.

Kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 621 : 246.500.000

Có TK 152: 246.500.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho 879 và các chứng từ liên quan, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17). Đồng thời kế toán chi tiết sẽ ghi Sổ chi tiết tài khoản 152 (Biểu 2.15). Sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái 152 (Biểu 2.18), 621. Đến cuối kỳ, từ sổ chi tiết NVL sẽ lập bảng tổng hợp xuất nhập tồn. Đồng thời từ Sổ cái 152,621 kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh(Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái TK 152 và Bảng tổng hợp xuất nhập tồn). Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích từ ngày 01/12/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
						
02/12	GBC22	06/12	Khách hàng thanh toán tiền mua phân bón DAP	1121		82.500.000	
					131		82.500.000
						
04/12	PNK328	04/12	Nhập kho Dầu vỏ hạt điều	152		9.040.000	
	HD43535			133		904.000	
	PC150				111		9.944.000
05/12	PNK329	05/12	Nhập kho Axit Sunfuric	152		125.000.000	
	HD43536			133		12.500.000	
					331		137.500.000
						
07/12	PXK878	07/12	Xuất kho Dầu vỏ hạt điều phục vụ sản xuất nhà máy DAP	621		16.830.000	
					152		16.830.000
08/12	PXK879	08/12	Xuất kho Axit Sunfuric phục vụ sản xuất nhà máy DAP	621		246.500.000	
					152		246.500.000
						
22/12	PC175	22/12	Rút quỹ tiền mặt gửi vào TK Ngân hàng	1121		200.000.000	
					1111		200.000.000
23/12	UNC22	23/12	Trả tiền cho công ty kinh doanh than Hải Phòng	331		56.900.000	
					1121		56.900.000
						
			Cộng số phát sinh			38.589.568.502	38.589.568.502

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18:Sổ cái

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Từ ngày 01/12/2014 đến ngày 31/12/2014

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		802.651.000	
					
04/12	HD43535 PNK328 PC150	04/12	Nhập kho Dầu vỏ hạt điều	111	9.040.000	
05/12	HD43536 PNK329	05/12	Nhập kho Axit Sunfuric	331	125.500.000	
06/12	HD43537 PNK340	06/12	Nhập kho Than cám	331	25.620.000	
07/12	PXK878	07/12	Xuất kho Dầu vỏ hạt điều phục vụ sản xuất nhà máy DAP	621		16.830.000
08/12	PXK879	08/12	Xuất kho Axit Sunfuric phục vụ sản xuất nhà máy DAP	621		246.500.000
					
25/12	PXK902	25/12	Xuất kho vôi cục phục vụ sản xuất nhà máy PA	621		62.950.400
					
			Cộng số phát sinh		6.616.000.080	6.875.000.860
			Dư cuối kỳ		543.650.220	

Ngày 31 tháng 10 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Công tác kiểm kê kho tại Công ty CP DAP-VINACHEM

Kế toán tiến hành kiểm kê kho nguyên vật liệu tại công ty nhằm mục đích xác nhận chính xác số lượng, chất lượng, giá trị của từng loại nguyên vật liệu có tại thời điểm kiểm kê. Bên cạnh đó việc kiểm kê còn giúp cho công ty kiểm tra được tình hình bảo quản, phát hiện và xử lý các trường hợp hao hụt, hư hỏng, mất mát để có biện pháp xử lý kịp thời.

Định kỳ cuối năm, Công ty tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu ở tất cả các kho. Mỗi kho được lập một ban kiểm kê gồm ba người: một thủ kho, một nhân viên phòng vật tư và một kế toán nguyên vật liệu. Kế toán thực hiện việc so sánh đối chiếu giữa Sổ chi tiết vật tư với số lượng thực tế trong kho, tìm ra nguyên nhân vật tư bị dư thừa hay thiếu hụt là do nguyên nhân khí hậu, thời tiết hay do cân đong đo đếm. Kết quả kiểm kê được ghi vào Biên bản kiểm kê do phòng kinh doanh lập cuối kỳ kiểm kê, biên bản được gửi lên phòng kế toán, kế toán tập hợp số liệu tính giá trị và xác định chênh lệch thừa thiếu cho từng loại rồi tiến hành tính giá trị chênh lệch cho từng loại.

- Trường hợp kiểm kê thấy thiếu hụt NVL so với số liệu trên sổ sách.
- + Nếu là thiếu hụt trong định mức cho phép thì kế toán sẽ phản ánh vào giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632: Trị giá NV thiếu hụt

Có TK 152: Trị giá NVL thiếu hụt

- + Nếu NVL thiếu hụt mà chưa xác định được nguyên nhân thì kế toán sẽ phản ánh vào giá trị tài sản thiếu hụt chờ xử lý:

Nợ TK 138.1: Giá trị NVL thiếu hụt chờ xử lý

Có TK 152: Giá trị NVL thiếu hụt

- + Nếu thiếu hụt do cán bộ công nhân viên làm mất thì kế toán sẽ trừ vào tiền lương của cán bộ công nhân viên:

Nợ TK 334: Giá trị NVL thiếu hụt do công nhân viên làm mất

Có TK 152: Giá trị NVL thiếu hụt

- Trường hợp kiểm kê thấy thừa NVL so với sổ sách kế toán
- + Nếu là NVL thừa không phải của Công ty mà Công ty chỉ có trách nhiệm bảo quản, giữ hộ thì kế toán phản ánh như sau:

Nợ TK 002: Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công hộ

+ Nếu NVL thừa mà không tìm ra được nguyên nhân thì kế toán phản ánh vào thu nhập khác:

Nợ TK 152, TK 153: Giá trị NVL thừa

Có TK 711: Giá trị NVL thừa

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.23: Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Đơn vị: CÔNG TY CP DAP-VINACHEM

Địa chỉ: Lô 7-Khu kinh tế Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Thời điểm kiểm kê: Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban kiểm kê gồm:

Ông: Ngô Văn Hiến Chức vụ: Phó giám đốc

Ông: Phạm Quang Tuyền Chức vụ: Phòng vật tư

Bà: Trần Thu Trang Chức vụ: Phòng kế toán

Bà: Phan Thị Do Chức vụ: Thủ kho

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		
								Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
1	Dầu vỏ hạt điều	DD	Kg	4.290	48.477.000	4.290	48.477.000					Còn tốt 100%
2	Axit Sunfuric	H ₂ SO ₄	Tấn	15	37.500.000	15	37.500.000					Còn tốt 100%
3	Amoniac	NH ₃	Tấn	35	57.750.000	35	57.750.000					Còn tốt 100%
					
	Cộng				543.650.220		543.650.220					

HỌ VÀ TÊN : TRẦN THỊ VÂN ANH

LỚP : QT1505K

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP DAP – VINACHEM

3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty và phương hướng hoàn thiện

Qua việc nghiên cứu phần cơ sở lý luận chung về hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty. Em càng thấy rõ vai trò, vị trí của thông tin kế toán NVL trong công tác quản lý kế toán và quản trị doanh nghiệp. Ngày nay khi nền kinh tế nước ta đang hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực, bắt buộc chúng ta ngày càng phải hoàn thiện hơn về công tác kế toán và xây dựng cho mình một hệ thống kế toán phù hợp.

Đặc biệt là hoàn thiện tổ chức kế toán NVL vì nó sẽ giúp cho công ty tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Giống như các doanh nghiệp khác Công ty cũng không tránh khỏi những khó khăn trước sự chuyển biến của nền kinh tế thị trường. Nhưng với sự năng động của bộ máy quản lý và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã có những chuyển đổi mang tính quyết định nhằm thích ứng với cơ chế mới, nhờ đó mà trong những năm qua Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao.

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Bộ máy kế toán công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, nhiệm vụ của kế toán viên được phân công rõ ràng theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc ghi chép tổng hợp được tập trung tại phòng kế toán. Hình thức này đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung đối với công tác kế toán, đồng thời đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, chính xác các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với điều kiện của Công ty.

- Về hình thức tổ chức sổ kế toán và chế độ kế toán hiện hành tại Công ty

Công ty hạch toán NVL theo hình thức Nhật ký chung, đây là hình thức kế toán được áp dụng phổ biến tại nhiều doanh nghiệp và nó cũng phù hợp với quy mô của Công ty, cũng như trình độ của nhân viên kế toán. Hình thức sổ kế toán nhật ký chung có ưu điểm là ghi chép đơn giản, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Công ty áp dụng đúng chế độ kế toán hiện hành theo quy định của nhà nước, các chứng từ, sổ hạch toán và bảng biểu kế toán được thực hiện tương đối đầy đủ, ghi chép cẩn thận rõ

ràng, có hệ thống và hạch toán tương đối chính xác theo đúng chế độ quy định của Bộ tài chính và nhà nước ban hành.

- *Về hệ thống chứng từ và phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hệ thống chứng từ mà Công ty sử dụng hiện nay tuân thủ theo đúng quy định của Bộ tài chính. Các chứng từ này được kiểm tra luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công ty hạch toán giá trị hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên rất phù hợp với Công ty.

Công tác tổ chức kế toán tại Công ty được phân công một cách rõ ràng, mỗi bộ phận chịu trách nhiệm về một mảng nào đó. Công tác kế toán nói chung và công tác NVL nói riêng đã phản ánh đúng thực trạng của Công ty, đáp ứng được nhu cầu quản lý mà Công ty đã đề ra. Đảm bảo được sự thống nhất về phạm vi và phương pháp hạch toán giữa các bộ phận kế toán với các bộ phận có liên quan. Đặc biệt kế toán NVL đã thực hiện tốt việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ sách với số liệu trên thực tế ở kho. Nhờ vậy mà luôn đảm bảo tính cân đối giữa chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết giúp phản ánh tình hình biến động NVL được chính xác

- *Về thu mua sử dụng và dự trữ bảo quản NVL.*

Công ty đã xây dựng một hệ thống định mức NVL cho mỗi loại sản phẩm tương đối chính xác nhờ đó mà Công ty có thể tính toán được mức thu mua và dự trữ NVL. Do vậy mà tránh được tình trạng thu mua ít gây thiếu NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc thu mua tràn lan dẫn đến tình trạng ứ đọng vốn. Qua phân tích tình hình công tác kế toán tại Công ty đặc biệt là công tác kế toán NVL. Em nhận thấy công tác kế toán tại Công ty được tiến hành nề nếp đảm bảo tuân thủ các chế độ kế toán và rất phù hợp với yêu cầu, quy mô Công ty. Tuy nhiên bên cạnh những cố gắng và thành tựu đã đạt được về kế toán NVL thì Công ty vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế.

3.1.2. Hạn chế, tồn tại.

- *Về việc theo dõi danh điểm NVL.*

Tài khoản kế toán 152 Nguyên vật liệu:

+ Công ty có nhiều loại nhưng kế toán Công ty không thực hiện theo dõi chi tiết cho từng loại NVL mà tiến hành theo dõi chung. Việc không phân rõ NVL dẫn đến tình trạng khó kiểm soát chặt chẽ được từng loại NVL.

+ Công ty có mã NVL nhưng không xây dựng thống nhất bằng số hiệu.

Điều này làm cho công tác quản lý NVL trở nên phức tạp, dễ dẫn đến tình trạng mất mát hoặc thiếu hụt NVL, làm cho người quản lý khó nắm bắt tình hình nhập – xuất – tồn của các loại NVL.

- *Về việc trích lập dự phòng vật tư.*

Công ty không mở tài khoản 159 Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho để theo dõi hàng tồn kho nói chung và NVL nói riêng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là một việc làm cần thiết, giúp cho Công ty tránh được những rủi ro mà thị trường mang lại. Việc lập dự phòng còn giúp Công ty quản lý tốt từ công tác thu mua, xuất dùng đến tiêu thụ sản phẩm, giúp phòng kế hoạch có những phương hướng thích hợp trong việc lập kế hoạch sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng NVL.

Như vậy, nếu Công ty không thực hiện tốt việc quản lý NVL sẽ làm cho hiệu quả quản lý và sử dụng NVL giảm sút và gây khó khăn cho công tác quản lý chung.

- *Công tác tổ chức hệ thống kho tàng, bến bãi.*

Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì hệ thống kho bãi rất quan trọng. Tại đó, hàng hoá vật tư, thành phẩm của Công ty được lưu trữ và bảo quản. Vì vậy, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kho bãi cần được các doanh nghiệp chú trọng đầu tư. Tại Công ty hiện có 5 kho chứa NVL. Tuy nhiên, hiện 5 kho chứa này đang xuống cấp với hệ thống Công ty có đặc điểm ít bị hao hụt nhưng lại là nguyên vật liệu bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố vật lý như nhiệt độ, thời tiết, dễ ẩm và biến chất.

NVL không được sắp xếp một cách khoa học và hợp lý. Do hệ thống kho NVL đã xuống cấp, không đủ diện tích yêu cầu nên NVL được sắp xếp theo thứ tự nhập kho. Điều này làm ảnh hưởng tới xuất NVL cho quá trình sản xuất, có thể gây nhầm lẫn cho mỗi lần xuất kho, đồng thời gây khó khăn, trở ngại cho việc quản lý NVL của thủ kho.

- *Về việc luân chuyển chứng từ.*

Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng kế hoạch vật tư, thủ kho, phòng kế toán diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi bị mất chứng từ

thì không biết quy trách nhiệm cho ai xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên nơi lòng việc quản lý chúng từ.

- Về việc sử dụng hệ thống phần mềm kế toán máy.

Mặc dù, công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán. Kế toán làm trên máy nhưng không sử dụng phần mềm kế toán, mất khá nhiều thời gian, đôi lúc có sự sai lệch, nhầm lẫn về số liệu. Công ty nên áp dụng hệ thống phần mềm kế toán vào công tác kế toán để giảm bớt được khối lượng công việc, tính toán chính xác.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu với công việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty CP DAP-VINACHEM

3.2.1. Định hướng phát triển tại công ty CP DAP-VINACHEM

Nhận thức được thuận lợi và thách thức khó khăn trong những năm phát triển sắp tới. Cán bộ công nhân viên Công ty luôn tiếp tục phát huy những thành tích đạt được trong những năm qua. Đồng thời tiếp tục phấn đấu nhằm tạo thương hiệu uy tín và chiếm lĩnh thị trường và đóng góp ngày càng nhiều hơn vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Xuất phát từ mục tiêu trên chiến lược phát triển cơ bản của Công ty trong thời gian tới đó là từng bước nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên, thay thế được phần lớn số máy móc thiết bị cũ kỹ lạc hậu. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài sản tiền vốn, cải tiến bộ máy tổ chức sản xuất, tổ chức cung ứng vật tư kỹ thuật, lao động. Để ngày càng tạo ra nhiều sản phẩm mới đa dạng với giá thành sản xuất thấp được thị trường chấp nhận. Bên cạnh đó tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu với công việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty CP DAP-VINACHEM

3.2.2.1. Phân tách và theo dõi danh điểm NVL

- Tài khoản 152: NVL có thể chia thành nhiều tài khoản cấp hai tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và đặc điểm sản xuất của Công ty. Trên thực tế, Công ty CP DAP-VINACHEM nên mở thêm một số tài khoản cấp 2 cho tài khoản 152 để theo dõi được cụ thể, chi tiết và khoa học hơn.

Có thể chia tài khoản 152 thành các tiểu tài khoản để theo dõi cho NVL chính và NVL phụ.

+ Tài khoản 152.1: NVL chính.

Là những loại NVL khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm.

Quá trình sản xuất của Công ty có các loại NVL chính như Axit Sunfuric, amoniac, lưu huỳnh, quặng,... Đây là những loại NVL chính cấu thành nên sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng khối lượng sản phẩm của Công ty. Dựa vào tính chất trên, Công ty có thể mở thêm tài khoản theo dõi như sau:

Tài khoản 152.1.01: Axit Sunfuric.

Tài khoản 152.1.02: Amoniacc.

Tài khoản 152.1.03: Lưu huỳnh.

.....

Việc mở tài khoản chi tiết sẽ giúp Công ty theo dõi sát sao, khoa học, cụ thể tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại NVL, tạo điều kiện cho việc quản lý được hiệu quả hơn.

+ Tài khoản 152.2: NVL phụ.

Là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để làm thay đổi màu sắc, hình dáng, mùi vị hoặc dùng để bảo quản, phục vụ hoạt động của người lao động.

Tại Công ty có các loại vật liệu phụ như: vôi cục, chất chống kết khối DAP, phèn kép, xút NaOH,... Các loại NVL này có tính chất bổ sung vào quá trình sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm hoàn thiện, tăng giá trị sản phẩm. Theo những đặc điểm trên, Công ty mở tài khoản cho NVL phụ như sau:

Tài khoản 152.2.01: Chất chống kết khối DAP.

Tài khoản 152.2.02: Phèn kép.

Tài khoản 152.2.03: Xút NaOH.

Tài khoản 152.2.04: Vôi cục

.....

Việc phân tách, theo dõi NVL như trên đảm bảo cho quá trình hạch toán và theo dõi NVL diễn ra chi tiết, cụ thể. Từ đó, kế toán có thể theo dõi chính xác hiện trạng của các loại NVL, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý NVL tại Công ty.

Biểu số 3.1: Bảng theo dõi danh điểm NVL
BẢNG THEO DÕI DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

Kho	Danh điểm NVL	Mã NVL	Tên NVL	Đơn vị tính	Ghi chú
Kho 1	152.1.01	H ₂ SO ₄	Axit Sunfuric	Tấn	
				

3.2.2.2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kỳ kế toán, nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của NVL nhỏ hơn giá gốc thì doanh nghiệp phải tiến hành lập dự phòng giảm giá cho số vật liệu đó. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá NVL phải tiến hành cho từng danh điểm vật tư, sau đó tổng hợp lại ra tổng số dự phòng cần lập.

Phương pháp lập:

$$\text{Mức dự phòng cần lập} = \text{Số lượng tồn kho của NVL tại thời điểm kiểm kê} \times (\text{Giá gốc NVL tồn kho} - \text{Giá thuần đơn vị có thể thực hiện được})$$

Kế toán ghi bút toán lập dự phòng:

Nợ TK 632: giá vốn hàng bán

Có TK 159: dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Sang năm sau, nếu số dự phòng mới lớn hơn số đã lập, ghi bổ sung:

Nợ TK 632: số dự phòng bổ sung

Có TK 159: số dự phòng bổ sung.

Trường hợp số dự phòng mới nhỏ hơn số đã lập, kế toán phải hoàn nhập dự phòng:

Nợ TK 159: số chênh lệch nhỏ hơn.

Có TK 632: số chênh lệch nhỏ hơn.

Công ty có thể lập bảng theo dõi dự phòng giảm giá NVL như sau:

Biểu số 3.2: Bảng theo dõi dự phòng giảm giá NVL.
BẢNG THEO DÕI DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU
 Kho nguyên vật liệu chính: năm 2014

Nhóm	Danh điểm	Tên vật liệu	ĐVT	Đơn giá ghi trên sổ kế toán	Đơn giá trên thị trường	Mức chênh lệch	Số lượng	Mức dự phòng
152.1.01								
152.1.02								
.....	
152.1.03								
.....	

Đề Công ty tồn tại, phát triển và đứng vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đòi hỏi nhà quản lý phải không ngừng đi sâu vào tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của doanh nghiệp và hạn chế, khắc phục những điểm yếu còn tồn tại.

3.2.2.3. *Xây dựng hệ thống kho tàng bến bãi*

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là phân bón nên rất dễ ẩm mốc, Vì vậy, để bảo quản tốt NVL, giảm thiểu những hư hỏng, mất mát. Công ty phải xây dựng hệ thống kho đủ tiêu chuẩn. Hệ thống kho phải có các yêu cầu tối thiểu như:

- Khô ráo, thoáng mát.
- Thường xuyên kiểm kê, kiểm tra tình trạng NVL về số lượng và chất lượng, có biện pháp xử lý kịp thời khi cần thiết.

Hiện nay, kho bãi của Công ty đang có dấu hiệu xuống cấp, không đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu trên, trong ngắn hạn, Công ty nên thuê kho bãi để chứa NVL... Tuy nhiên, chi phí thuê kho bãi hiện nay tương đối cao, vận chuyển nhiều lần. Vì vậy, trong dài hạn, Công ty cần phải nâng cấp hoặc xây mới hệ thống kho chứa. Việc nâng cấp và xây mới cần một số lượng vốn lớn, nhưng về mặt lâu dài sẽ hạn chế được nhược điểm của việc đi thuê, giảm thiểu thiệt hại của việc NVL giảm phẩm chất do các yếu tố môi trường.

Ngoài ra, NVL trong kho cần sắp xếp theo danh mục hoặc theo mã vật tư để tiện cho công tác nhập – xuất được diễn ra dễ dàng. Do đặc điểm ngành nghề kinh doanh NVL của Công ty rất đa dạng và phong phú về chủng loại cũng như chất lượng, vì vậy cần thiết sắp xếp NVL theo một tiêu chí nhất định để nhập – xuất NVL diễn ra dễ dàng, chính xác và nhanh chóng.

3.2.2.4. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Lập phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) nguyên vật liệu.

Công ty phải nhập rất nhiều loại NVL, số lượng nhập – xuất rất nhiều, diễn ra thường xuyên, vì vậy công ty nên lập phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) nguyên vật liệu từ khi luân chuyển chứng từ, từ phòng vật tư và phòng kế toán để đảm bảo cho khâu luân chuyển chứng từ được chặt chẽ và theo dõi được số lượng, số liệu chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định.

Biểu số 3.3: Phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) nguyên vật liệu.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP (XUẤT) NGUYÊN VẬT LIỆU

STT	Ngày, tháng	Phiếu nhập (xuất)		Xác nhận của người nhận	Ghi chú
		Số hiệu	Số lượng		
1					
2					
	
6					
...	

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho
(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.2.5. Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán tại công ty

Ngày nay khi công nghệ thông tin không ngừng phát triển với những thuận lợi do nó đem lại, nhiều doanh nghiệp đã áp dụng nó vào việc quản lý của doanh nghiệp mình. Trong khi việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của Công ty vẫn còn được ghi chép bằng tay. Điều đó sẽ không nâng cao được trình độ cũng như năng suất lao động của cán bộ kế toán, đồng thời gây khó khăn do phải bảo quản sổ sách, ghi chép nhiều, tính toán nhiều và khó khăn khi kiểm tra đối chiếu số

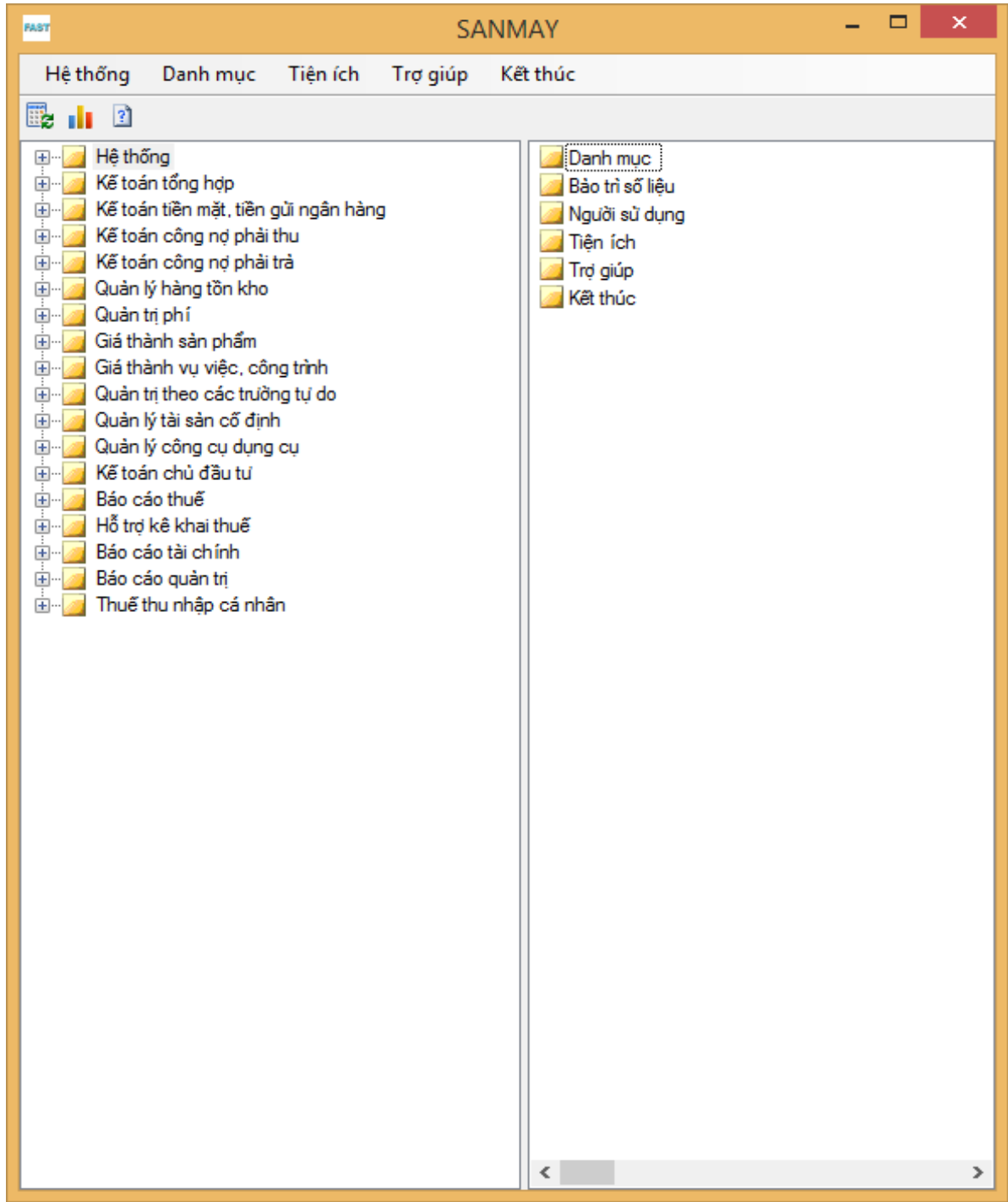
liệu. Do vậy để nâng cao năng lực làm việc của cán bộ kế toán, giảm nhẹ khối lượng công việc cho họ thì Công ty nên sử dụng máy tính trong công tác kế toán.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Thực tế trên thị trường có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm kế toán. Các phần mềm kế toán rất đa dạng và chuyên biệt theo từng đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp. Một số phần mềm kế toán phổ biến được sử dụng nhiều hiện nay như FAST FINANCIAL, FAST ACCOUNTING, MISA,...

Qua tìm hiểu một số phần mềm sổ phần mềm kế toán chuyên dùng hay sử dụng cho doanh nghiệp vừa và lớn. Fast Financial là một trong số ít giải pháp được thiết kế dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, có khả năng xử lý khối lượng lớn giao dịch, cho phép các đơn vị hoạt động ở nhiều địa điểm khác nhau truy cập từ xa qua internet vào cơ sở dữ liệu tập trung, phân quyền bảo mật chặt chẽ trong điều kiện nhiều người truy cập và truy cập qua internet.

Biểu số 3.2: Giao diện phần mềm Fast Accounting



KẾT LUẬN

Qua các phần trình bày trên, có thể khẳng định hạch toán nguyên vật liệu có tác dụng to lớn trong việc quản lý kinh tế và quản trị doanh nghiệp. Thông qua công tác hạch toán nguyên vật liệu, các đơn vị sản xuất kinh doanh đảm bảo nguyên vật liệu an toàn, phòng ngừa mất mát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Thực tế hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty có ảnh hưởng to lớn đến công tác quản lý nguyên vật liệu và quản lý Công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp lãnh đạo Công ty nắm bắt tình hình và chỉ đạo sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu có phản ánh chính xác và đầy đủ tình hình thu mua, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu thì lãnh đạo Công ty mới có biện pháp chỉ đạo đúng đắn. Do đó, hạch toán nguyên vật liệu nói riêng và hạch toán kế toán nói chung tại Công ty phải không ngừng được hoàn thiện.

Là một Công ty nhạy bén với sự thay đổi của cơ chế mới và sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường. Công ty luôn nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường công tác quản lý. Một trong những yêu cầu quan trọng đề ra là phải biết tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty, em đã hiểu được tầm quan trọng của hạch toán nguyên vật liệu đối với công tác lãnh đạo Công ty, em mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài “*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP DAP-VINACHEM*”.

Trong thời gian thực tập tại đây, Công ty đã giúp em rất nhiều trong việc củng cố lại kiến thức đã học. Em đã thấy rõ kiến thức về lý thuyết là chưa đủ mà phải biết vận dụng linh hoạt vào thực tế. Để đạt được điều đó, em đã được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán và sự chỉ đạo tận tình của Giảng viên Th.S.Nguyễn Văn Thụ.

Vì thời gian tìm hiểu tại Công ty không nhiều nên những vấn đề đưa ra chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong rằng sẽ nhận được những ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn, của các cô chú trong phòng kế toán để bài Khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015